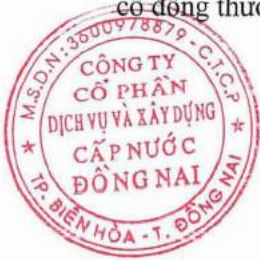


Số: 05/CBTT-DVW

Đồng Nai, ngày 09 tháng 4 năm 2019

V/v: CBTT tài liệu họp Đại hội đồng  
cổ đông thường niên năm 2019



## CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

### I- GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:

- 1- Tên Công ty: **Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.**
- 2- Trụ sở chính: Số 52 Cách mạng tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- 3- Điện thoại: (0251) 3941679 Fax: (0251) 3840797
- 4- Email: [dvxcdn@yahoo.com.vn](mailto:dvxcdn@yahoo.com.vn) Website: [www.dvxcdn.com](http://www.dvxcdn.com)
- 5- Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Chí Nguyên Thăng**
- 6- Điện thoại (di động): 0909385874 Email: [lcnthang@gmail.com](mailto:lcnthang@gmail.com)
- 7- Loại thông tin công bố:

Định kỳ       24h       Theo yêu cầu       Khác

### II- NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ:

Công bố thông tin Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai (tổ chức vào ngày 19/4/2019)

*(Đính kèm Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019)*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 09/4/2019 tại Website: [www.dvxcdn.com](http://www.dvxcdn.com)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BGD Công ty;
- Trưởng BKS;
- Lưu VT.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**Lê Chí Nguyên Thăng**



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI  
-----oOo-----



**TÀI LIỆU HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ**  
**XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

*Đồng Nai, tháng 4/2019*



**CHƯƠNG TRÌNH HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

**Địa điểm:** Hội trường Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai. Số 48 - CMT8 – phường Quyết Thắng - TP. Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai.

**Thời gian:** Thứ sáu ngày 19 tháng 4 năm 2019

Thời gian	Nội dung
7h30 đến 8h30	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đón tiếp đại biểu và cổ đông.</li> <li>- Kiểm tra tư cách cổ đông, phát tài liệu Đại hội</li> </ul>
8h30 đến 9h00	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chào cờ.</li> <li>- Tuyên bố lý do tổ chức Đại hội và Giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự.</li> <li>- Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội.</li> <li>- Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội.</li> <li>- Chủ tọa chỉ định các cán bộ của Công ty tham gia điều hành hoạt động của Đại hội và 02 người làm Thư ký Đại hội.</li> <li>- Thông qua danh sách Ban bầu cử và kiểm phiếu.</li> <li>- Thông qua Chương trình Đại hội.</li> </ul>
9h00 đến 09h15	Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018. Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2018.
09h15 đến 09h30	Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty năm 2018; Báo cáo giám sát hoạt động quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty. Báo cáo đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018.
9h30 đến 9h50	Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018.
9h50 đến 10h	Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập các quỹ năm 2018.
10h đến 10h10	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.
10h10 đến 10h20	Thông qua Tờ trình quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch năm 2019.
10h20 đến 10h30	Thông qua Tờ trình việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.
10h30 đến 10h40	Thông qua Biên bản Đại hội.
10h40 đến 10h50	Thông qua Nghị Quyết Đại hội.
10h50 đến 11h	Bế mạc Đại hội.

*Biên Hòa, ngày 19 tháng 4 năm 2019*

Biên Hoà, ngày 19 tháng 4 năm 2019

**QUY CHẾ LÀM VIỆC  
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

**Căn cứ:**

- Luật doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.

Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

**CHƯƠNG I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi áp dụng**

Quy chế này sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.

**Điều 2.** Quy chế quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

**Điều 3.** Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**CHƯƠNG II  
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

**Điều 4. Cổ đông tham dự Đại hội cổ đông**

**1. Điều kiện tham dự Đại hội:**

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai theo danh sách chốt đến ngày 28/3/2019 (ngày đăng ký cuối cùng) hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (ĐHCD) của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai;

**2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội.:**

a) Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:



- Bản chính Giấy Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu;  
- Bản chính Phiếu đăng ký/Giấy ủy quyền tham dự họp ĐHCĐ (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

b) Đăng ký tham dự Đại hội: Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội xuất trình các giấy tờ trên cho Ban Tổ chức và được nhận: 01 bộ tài liệu Đại hội, 01 Thẻ biểu quyết, 01 Phiếu biểu quyết, trong đó:

- Một (01) “Thẻ biểu quyết” có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu Công ty. Thẻ này dùng để biểu quyết và thông qua các nội dung theo chương trình Đại hội.

- Một (01) “Phiếu biểu quyết” có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu Công ty. Phiếu này dùng để thông qua các báo cáo và lộ trình tại Đại hội.

c) Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự trong Đại hội;

d) Cổ đông được quyền ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người thứ ba tham dự Đại hội.

e) Cổ đông hoặc người được ủy quyền khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề người trước đã phát biểu thì không nên phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào giấy để chuyển cho Ban Thư ký.

g) Được tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định tại Luật doanh nghiệp.

h) Cổ đông hoặc người được ủy quyền khi tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

i) Trong thời gian tổ chức Đại hội, các cổ đông phải ăn mặc chỉnh tề, tuân theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự. Tôn trọng quyền điều hành của Chủ tọa, tôn trọng kết quả biểu quyết của Đại hội.

k) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến trễ sau khi Đại hội đã khai mạc thì sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

l) Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội;

m) Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động nên để chế độ im lặng hoặc tắt máy;

n) Trường hợp Cổ đông hoặc người được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

**Điều 5. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, nên Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty theo Điều 142 của Luật doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa:

a) Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Chỉ định các cán bộ của Công ty tham gia điều hành hoạt động của Đại hội (nếu cần). Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự và thành công tốt đẹp, đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

b) Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình.

c) Trình dự thảo, kết luận về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d) Trả lời hoặc chỉ định người trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

e) Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

**Điều 6: Ban thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông**

Ban thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai đề cử và thành lập. Ban thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm: kiểm tra điều kiện tham dự Đại hội của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với danh sách cổ đông hoặc người được ủy quyền có quyền dự họp đã chốt đến ngày **28/3/2019**; phát tài liệu Đại hội và Thẻ biểu quyết; báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

**Điều 7. Ban Thư ký Đại hội**

1. Ban Thư ký Đại hội do Chủ tọa Đại hội cử ra theo Điều 142 của Luật doanh nghiệp.

2. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa Đại hội, bao gồm:

a) Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ các nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;

b) Hỗ trợ Chủ tọa công bố Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội, thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;

c) Tiếp nhận phiếu hỏi ý kiến của cổ đông.

**Điều 8. Ban kiểm phiếu**

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a) Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội;



b) Ban kiểm phiếu phải tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và lập Biên bản kiểm phiếu biểu quyết, thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban Thư ký, chịu trách nhiệm trước Chủ tọa, Đại hội cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình;

c) Xem xét và báo cáo Chủ tọa Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

### **CHƯƠNG III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI**

#### **Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội.**

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp và ủy quyền tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt đến ngày **28/3/2019**.

#### **Điều 10. Thảo luận tại Đại hội**

##### **1. Nguyên tắc:**

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội cổ đông;

- Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa nhất trí mới được phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu ngắn gọn, tránh trùng lặp (không quá 10 phút).

##### **2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:**

- Trên cơ sở các ý kiến phát biểu của cổ đông hoặc người được ủy quyền, Chủ tọa hoặc cán bộ được chỉ định sẽ giải đáp ý kiến cổ đông hoặc người được ủy quyền;

#### **Điều 11. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:**

1. Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải thông qua bằng cách: lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội theo số cổ phần sở hữu và đại diện.

##### **2. Cách thức biểu quyết:**

a) Từng vấn đề được đưa ra trước Đại hội thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ đều được xin ý kiến theo trình tự sau:

- + Tán thành với nội dung vừa được đề trình;
- + Không tán thành với nội dung vừa được đề trình;
- + Không có ý kiến với nội dung vừa được đề trình.

b) Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông sẽ thực hiện biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết và đánh dấu vào ô thích hợp trên Phiếu biểu quyết.

c) Đại biểu biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tọa để biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa. Thành viên Ban kiểm phiếu ghi nhận mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của

từng đại biểu Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến. Phương thức này được dùng để thông qua thành phần Ban kiểm phiếu, thông qua Chương trình Đại hội; các nội dung khác theo diễn biến thực tế tại Đại hội

d) Đại biểu biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: Đối với từng nội dung, đại biểu lựa chọn 01 trong 03 phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong phiếu biểu quyết. Sau khi hoàn tất các nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu ký tên, ghi đầy đủ họ và tên, sau đó gửi phiếu biểu quyết cho Ban kiểm phiếu.

### 3. Tính hợp lệ của phiếu biểu quyết

#### - Phiếu biểu quyết hợp lệ:

+ Là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này, phải có chữ ký và họ tên đầy đủ được viết tay của đại biểu tham dự.

‡ Trên Phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn 01 trong 03 ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:** là phiếu biểu quyết có ghi thêm các nội dung khác, phiếu không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không có đóng dấu của Công ty, hoặc phiếu có tẩy xóa, cạo sửa, không có chữ ký và họ tên đầy đủ của đại biểu. Khi đó, tất cả các nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

### 4. Thẻ lệ biểu quyết:

- Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp 01 (một) Phiếu biểu quyết và một (01) Thẻ biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 28/3/2019) tổng số cổ phần của Công ty là: **2.345.000** cổ phần tương đương với **2.345.000** quyền biểu quyết.

### 5. Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban kiểm phiếu.

- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu, ghi nhận và trả kết quả kiểm phiếu biểu quyết.

- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

### 6. Tỷ lệ tối thiểu cần đạt được khi biểu quyết

- Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; phải được số đại biểu đại diện ít nhất 65% tổng số quyền biểu quyết của tất cả đại biểu dự họp chấp thuận.

- Đối với các vấn đề còn lại, phải được số đại biểu đại diện ít nhất 51% tổng số quyền biểu quyết của tất cả đại biểu dự họp chấp thuận.



**Điều 12: Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.**

1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội lưu giữ tại Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.

**Điều 13: Xử lý trường hợp tổ chức Đại hội cổ đông không thành.**

1. Trường hợp không có đủ điều kiện tiến hành Đại hội theo quy định, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên lần một. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần hai phải có số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Nếu Đại hội cổ đông thường niên lần thứ hai không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định, thì Đại hội lần thứ ba được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự kiến tổ chức Đại hội lần thứ hai. Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết. Các vấn đề do Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba biểu quyết thông qua đều được coi là hợp lệ.

**CHƯƠNG IV  
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 14:** Quy chế này gồm 4 Chương và 14 Điều do Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai ban hành tuân thủ các quy định pháp luật.

Quy chế này sẽ chính thức có hiệu lực và được áp dụng ngay tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành là trên 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Các cổ đông, thành viên Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai chịu trách nhiệm thi hành./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Cao Hà**

**BÁO CÁO**  
**CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ QUẢN TRỊ VÀ**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được qui định tại Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/4/2018;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018.
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai xin báo cáo trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2018 như sau:

**A- GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY**

1. Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.
2. Tên viết tắt: DWCS
3. Mã chứng khoán: DVW
4. Địa chỉ trụ sở chính: Số 52 – đường Cách Mạng Tháng Tám - Phường Quyết Thắng TP. Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai.
5. Điện thoại : 84 0251 3847241 Fax: 84 0251 3840797.
6. Giấy đăng ký kinh doanh số 3600978879 do Sở Kế Hoạch tỉnh Đồng Nai cấp đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 18/2/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 23/8/2018.
7. Ngành nghề kinh doanh chính được phê duyệt: Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước, trạm bơm. Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp. Lắp đặt đường ống cấp nước, thoát nước, lắp đặt bơm. Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, công trình cấp nước, xây dựng và hoàn thiện các công trình cấp nước. Sản xuất kinh doanh nước sạch. Khai thác nước và phân phối nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp. Sản xuất sản phẩm kim loại ngành xây dựng.
8. Vốn điều lệ: 23.450.000.000 đồng (Hai mươi ba tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng), số lượng cổ phần: 2.345.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.  
*Trong đó:*
  - Vốn góp của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai: 8.442.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ 36%)
  - Vốn cổ đông tham gia công ty cổ phần: 15.008.000.000 đồng (chiếm tỷ lệ 64%)



## B- BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

### I- THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Hội đồng quản trị Công ty gồm có 03 (ba) thành viên như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch HĐQT	- Đại diện cho Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai: 515.900 CP (22 %)
2	Đặng Trọng Thành	Thành viên HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 29.400 CP ( 1,25 %)
3	Trần Chiến Thắng	Thành viên HĐQT Phó Giám đốc	- Sở hữu cá nhân: 139.664 CP (5,96 %) - Đại diện cho Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai: 328.300 CP (14%)

(Số lượng cổ phiếu theo danh sách cổ đông chốt đến ngày 28/3/2019 )

### II- HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018:

#### 1- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Từ sau Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 đến nay, Hội đồng quản trị đã tiến hành các phiên họp thường kỳ và đột xuất, với các nội dung chính như sau:

- Lần thứ nhất: Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và bổ nhiệm Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2018-2023.
- Lần thứ 2: Chọn ngày chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức năm 2017.
- Lần thứ 3: Thông qua việc bổ nhiệm lại Người điều hành Công ty và Thư ký Công ty nhiệm kỳ 2018-2023.
- Lần thứ 4: Chọn ngày giao dịch đầu tiên và giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty trên sàn Upcom.
- Lần thứ 5: Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và triển khai thực hiện phương án phát hành.
- Lần thứ 6: Chọn ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Lần thứ 7: Đánh giá tình hình hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2018, xem xét rà soát các Quy chế về quản lý hoạt động của Công ty.
- Lần thứ 8: Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ Công ty từ 16.750.000.000 đồng lên 23.450.000.000 đồng và sửa đổi Điều lệ Công ty theo vốn điều lệ mới.
- Lần thứ 9: Báo cáo và đánh giá tình hình SXKD 9 tháng đầu năm 2018, đề ra nhiệm vụ của 3 tháng cuối năm 2018.
- Lần thứ 10: Tạm ứng Quỹ thưởng BĐH để thưởng cuối năm cho Ban điều hành Công ty và CB-CNV đã đóng góp cho hoạt động của Công ty trong năm 2018.
- Lần thứ 11: Chọn ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông tham dự đại hội cổ đông thường niên năm 2019.

- Lần thứ 12: Thông qua BCTC và kết quả kinh doanh năm 2018. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2019.

Ngoài ra, HĐQT Công ty thường xuyên gặp nhau để trao đổi, bàn bạc giải quyết các vấn đề về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.

## **2- Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:**

- Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 27/4/2018: Nghị quyết về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và bổ nhiệm Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2018-2023.

- Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 16/5/2018: Nghị quyết về ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức năm 2017.

- Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 22/5/2018: Quyết định bổ nhiệm lại Người điều hành và Thư ký Công ty nhiệm kỳ 2018-2023.

- Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT ngày 24/5/2018: Nghị quyết về ngày giao dịch đầu tiên và giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty trên sàn Upcom.

- Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 25/6/2018: Nghị quyết về việc thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; triển khai thực hiện phương án phát hành.

- Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 09/7/2018: Nghị quyết lựa chọn ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

- Nghị quyết số 10/QĐ-HĐQT ngày 16/8/2018: Quyết định thay đổi vốn điều lệ Công ty từ 16.750.000.000 đồng lên 23.450.000.000 đồng và sửa đổi Điều lệ Công ty theo vốn điều lệ mới.

- Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT ngày 22/8/2018: Nghị quyết về việc đăng ký chứng khoán bổ sung với VSD và đăng ký giao dịch cổ phiếu bổ sung với HNX.

- Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 05/3/2019: Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.

- Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT ngày 26/3/2019: Nghị quyết thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019.

## **3- Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị:**

- Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của quy định của pháp luật, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Chỉ đạo định hướng phát triển của Công ty, đề ra các chủ trương và kế hoạch. Chỉ đạo công tác quản lý điều hành trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị .

- Chỉ đạo và giám sát chặt chẽ công tác quản lý, điều hành của Ban Giám đốc trong việc thực hiện kế hoạch SXKD và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Giám sát công tác quản trị doanh nghiệp, chính sách đối với người lao động, quan hệ với cổ đông và nghĩa vụ của công ty cổ phần đại chúng..

- Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã bàn bạc, thống nhất đưa ra các quyết định liên quan đến cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động, định hướng phát triển và kế hoạch SXKD của Công ty. Định kỳ hàng quý, Hội đồng quản trị tiến hành họp để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, đánh giá kết quả thực hiện hàng quý và xác định nhiệm vụ trong quý kế tiếp.



#### 4- Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và cán bộ quản lý khác:

- Thường xuyên theo dõi, giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban Giám đốc theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành; giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018, việc thực hiện các Quyết nghị của Hội đồng quản trị...

- Thông qua việc giám sát và thông qua nội dung đánh giá của Ban kiểm soát về tình hình tài chính và hoạt động điều hành của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt và chỉ đạo kịp thời mọi hoạt động điều hành của Ban Giám đốc nhằm hoàn thành các mục tiêu SXKD của Nghị quyết đại hội cổ đông.

- Định kỳ hàng quý, Chủ tịch HĐQT yêu cầu Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý của các bộ phận trong Công ty trực tiếp báo cáo HĐQT tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD, tình hình thực hiện các công trình, dự án. Báo cáo phải nêu rõ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình công tác, những vấn đề cần được giải quyết. Qua đó cùng ban hạc tìm ra hướng giải quyết, giải pháp thực hiện, tìm cách khắc phục những vấn đề tồn đọng.

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành Công ty: quản lý chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch của nhà máy nước Hoá An, việc vận hành, quản lý hệ thống cấp nước 04 phường xã Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Vạn. Chỉ đạo bộ phận kỹ thuật tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động thi công lắp đặt theo đúng qui định của Công ty và các quy định về hoạt động thi công xây lắp.

### III- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2018:

#### 1- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Tỷ lệ % hoàn thành
1	Tổng doanh thu	đồng	81.706.000.000	124.508.452.032	152,4 %
	- Doanh thu tiền nước	đồng	31.706.000.000	33.867.802.393	106,8 %
	- Doanh thu lắp đặt	đồng	50.000.000.000	90.493.334.711	181 %
	- Doanh thu hoạt động tài chính	đồng	-	146.834.688	
	- Doanh thu khác	đồng	-	480.240	
2	Tổng chi phí	đồng	73.706.000.000	111.010.698.353	150,6 %
3	Lợi nhuận trước thuế	đồng	8.000.000.000	13.497.753.679	168,7 %
4	Tỷ suất LN trước thuế/VĐL	%	34,12 %	57,56%	168,7 %
5	Nộp thuế TNDN (20%)	đồng	1.600.000.000	2.743.550.736	171,5 %
6	Lợi nhuận sau thuế	đồng	6.400.000.000	10.754.202.943	168 %
7	Phát sinh phải nộp ngân sách	đồng	6.000.000.000	13.749.767.481	229,2 %
8	Tổng vốn điều lệ	đồng	23.450.000.000	23.450.000.000	100%
9	Tỷ suất LN sau thuế/VĐL	đồng	27,29 %	45,86 %	168 %

## **2- Tình hình hoạt động sản xuất của Công ty năm 2018:**

### **a) Công tác thi công các công trình hệ thống cấp nước:**

Trong năm 2018, Công ty đã thi công lắp đặt các công trình đường ống lớn như:

- Công trình nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước KCN Long Bình (Loteco) giai đoạn II.
- Cải tạo chuyển đổi hệ thống cấp nước các hẻm thuộc KDC Phường An Bình.
- Cải tạo tuyến ống cấp nước uPVC bằng ống HDPE đường Nguyễn Văn Tỏ - Xã An Hòa.
- Một số công trình cải tạo hệ thống cấp nước các hẻm, khu phố thuộc các phường: Tân Phong, Trảng Dài, Quyết Thắng, Long Bình ...

Ngoài các hợp đồng thi công tuyến ống cấp nước cho các chủ đầu tư bên ngoài, Công ty đã thi công các công trình của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai giao như: Lắp đặt mới cho các hộ hùn; Cải tạo sửa chữa HTCN các phường xã trong thành phố Biên Hòa; Các công trình chuyển đổi, di dời, trám trả mặt bằng sau thi công...

Về công tác lắp đặt ống nhánh cho khách hàng: Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện lắp đặt tổng cộng: 12.882 bảng chiết tính cho các hộ gia đình và các doanh nghiệp sử dụng nước sinh hoạt và sản xuất.

### **b) Về công tác sản xuất cung cấp nước:**

Trong năm 2018 đã thực hiện:

- Sản xuất nước sạch cung cấp cho các phường xã: Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Vạn. Sản lượng sản xuất bình quân 13.415m<sup>3</sup>/ngày, đạt 89,4% công suất. Tỷ lệ thất thoát bình quân năm: 18,17% .

- Chất lượng nguồn nước đảm bảo, khi xét nghiệm các chỉ tiêu vi sinh và lý hóa đạt 100% theo quy định. Định mức tiêu hao về điện năng, hoá chất sử dụng đạt yêu cầu và thấp hơn theo định mức của Bộ Xây dựng.

- Tình hình phát triển khách hàng: Đến tháng 12/2018, tổng số danh bộ khách hàng do Công ty cấp nước trên địa bàn 4 phường xã là: 15.922 đồng hồ.

## **3- Tình hình thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động, công tác xã hội:**

a) Trang bị đầy đủ BHLĐ, thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động và an toàn vệ sinh lao động. Trang bị đầy đủ quần áo, đồng phục cho CB.CNV và công cụ, dụng cụ phục vụ lao động sản xuất.

b) Quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần đối với CB.CNV:

- Chi trả tiền lương đúng kỳ hạn và giải quyết tiền thưởng, Lễ, Tết cho CB-CNV.
- Nộp đầy đủ BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn cho người lao động.
- Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm đánh giá, khen thưởng theo phân loại A,B,C. Cuối năm khen thưởng các cá nhân và tập thể đạt thành tích và danh hiệu trong phong trào thi đua năm 2018.
- Tổ chức xét nâng lương cho CB.CNVC - LĐ. Tạo điều kiện, giải quyết kinh phí cho CB.CNV đi học bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CB.CNVC-LĐ.



- Trợ cấp khó khăn và thăm hỏi CB.CNV khi khó khăn và ốm đau, hiếu hỷ.
- Tổ chức cho CNVC-LĐ nghỉ dưỡng sức phục hồi sức khỏe theo chế độ.
- Ngoài các chế độ chính sách chung của Nhà nước, Công ty còn thực hiện thêm một số chính sách để động viên người lao động như: chế độ nghỉ việc riêng được hưởng nguyên lương, trợ cấp về hưu, trợ cấp khó khăn đột xuất...

c) Cùng với Ban lãnh đạo Công ty tổ chức thành công Hội nghị người lao động năm 2018.

d) Tham gia các hoạt động cộng đồng và công tác xã hội, từ thiện như: đóng góp Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ Vì người nghèo, Quy học giỏi- sống tốt, ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt, người nghèo...

#### 4- Tình hình thực hiện nghĩa vụ của công ty đại chúng, quan hệ với cổ đông:

- Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận hồ sơ đăng ký giao dịch trên sàn Upcom theo Quyết định số 289/QĐ-SGDHN ngày 29/5/2018 và đã chính thức giao dịch chứng khoán trên sàn Upcom kể từ ngày 06/6/2018.

- Tháng 8 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ từ 16,75 tỷ đồng lên thành 23,45 tỷ đồng theo phương án tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/4/2018. Hiện nay vốn điều lệ của Công ty là: 23,45 tỷ đồng.

- Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công ty đại chúng theo quy định của Luật chứng khoán và thị trường chứng khoán, công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, báo cáo UBCKNN và Sở GDCK Hà Nội, quan hệ với cổ đông...

#### IV- TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương	Tiền thưởng	Thù lao
1	Nguyễn Cao Hà (T5 đến T12)	Chủ tịch HĐQT			72.000.000
2	Đặng Trọng Thành	TV HĐQT	120.000.000	65.000.000	56.000.000
3	Trần Chiến Thắng	TV HĐQT	536.783.000	35.000.000	76.000.000
	<b>Cộng</b>		<b>656.783.000</b>	<b>100.000.000</b>	<b>204.000.000</b>

(\* Ông Đặng Trọng Thành tiền lương từ tháng 01-4/2018.

#### C- KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019:

- Phối hợp với Ban Giám đốc Công ty đề ra phương hướng, nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 phù hợp với tình hình và nhiệm vụ được giao.

- Xây dựng phương án dự phòng cho hoạt động cấp nước an toàn của nhà máy nước Hóa An. Nghiên cứu lập kế hoạch và phương án đầu tư để nâng công suất nhà máy nước Hóa An 15.000m<sup>3</sup>/ ngày đêm.

- Xây dựng phương án hạ tỷ lệ thất thoát nước máy theo lộ trình từng bước, từng giai đoạn cho năm kế hoạch 2019 và nhiệm kỳ 2018-2023.

- Theo dõi, xem xét năng lực tài chính Công ty, cân đối các nguồn để trả nợ cho Quỹ đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai.

- Duy trì các cuộc họp của Hội đồng quản trị để tổng hợp tình hình sản xuất, xử lý khó khăn, đánh giá và chỉ đạo kịp thời việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị trong toàn Công ty.

- Tăng cường chỉ đạo, giám sát các mặt hoạt động của Công ty: hoạt động xây lắp, hoạt động sản xuất nước, tình hình đầu tư TSCD, đầu tư XDCB, việc thực hiện chính sách đối với người lao động, quan hệ với cổ đông, công tác quản trị doanh nghiệp...Kiểm tra, kiểm soát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty.

- Ban hành và triển khai thực hiện Quy chế quản trị nội bộ để hoàn thiện công tác quản trị Công ty. Giám sát việc thực hiện các qui chế về quản trị doanh nghiệp, tăng cường giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ.

- Tập trung thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2019, nỗ lực mở rộng mạng lưới cấp nước, phát triển khách hàng, duy trì ổn định sản xuất, tăng doanh thu, tăng lợi nhuận. Cùng với Ban lãnh đạo Công ty phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019, đảm bảo thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019 ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu VT-HĐQT.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Cao Hà



Số: 06 /BC-HDQT

Biên Hòa, ngày 19 tháng 4 năm 2019

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2018

(Mẫu Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
- Địa chỉ trụ sở chính: 52 Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: (+84) 0251 3941679 Fax: (+84) 0251 3840797
- Email: [dvxcdn@yahoo.com.vn](mailto:dvxcdn@yahoo.com.vn) Website: [www.dvxcdn.com](http://www.dvxcdn.com)
- Vốn điều lệ: 23.450.000.000 đồng (Hai mươi ba tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng)
- Mã chứng khoán: DVW

### I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông năm 2018

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	22/2018/NQ- ĐHĐCĐ	27/4/2018	Thông qua: (1) Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017; (2) Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017; (3) Sửa đổi điều lệ Công ty; (4) Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; (5) Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017; (6) Phương án phân phối lợi nhuận và chi cổ tức 2017; (7) Phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ; (8) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018; (9) Tiền lương và thù lao của HĐQT, BKS năm 2018; (10) Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018; (11) Bầu HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2018 - 2023.

### II. Hội đồng quản trị

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 2018-2023:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
-----	-----------------	---------	---	---------------------------	-------	---------------------------

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch HĐQT	27/4/2018	12	100%	
2	Đặng Trọng Thành	Thành viên HĐQT	27/4/2018	12	100%	
3	Trần Chiến Thắng	Thành viên HĐQT	27/4/2018	12	100%	
4	Phạm Văn Hội	Thành viên HĐQT	27/4/2018	0		Không còn là thành viên HĐQT

Ngoài ra, Hội đồng quản trị cũng có những cuộc họp nhanh, đột xuất để trao đổi, bàn bạc giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

\* Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm lý do thay đổi):

STT	Thành viên HĐQT ( mới )	Chức vụ	Thành viên HĐQT ( cũ )	Lý do thay đổi
1	Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch HĐQT	Phạm Văn Hội	Bầu lại thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023
2	Đặng Trọng Thành	Thành viên HĐQT	Đặng Trọng Thành	
3	Trần Chiến Thắng	Thành viên HĐQT	Trần Chiến Thắng	

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

Hội đồng quản trị luôn giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời các hoạt động điều hành của Ban Giám đốc, bộ máy giúp việc cho Ban Giám đốc. Qua đó, giám sát tính tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty trong hoạt động SXKD, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị. Đồng thời cung cấp đầy đủ các thông tin, báo cáo cho Ban kiểm soát để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	04/NQ- HĐQT	27/4/2018	Quyết định thông qua kết quả bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và bổ nhiệm Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2018-2023.



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
2	05/NQ- HĐQT	16/5/2018	Quyết định về ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức năm 2017.
3	06/NQ- HĐQT	22/5/2018	Quyết định về việc bổ nhiệm Người điều hành và Thư ký Công ty nhiệm kỳ 2018-2023.
4	07/NQ- HĐQT	24/5/2018	Quyết định về ngày giao dịch đầu tiên và giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty trong ngày giao dịch đầu tiên trên sàn Upcom.
5	08/NQ- IIDQT	25/6/2018	Quyết định thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; triển khai thực hiện phương án phát hành.
6	09/NQ- HĐQT	09/7/2018	Quyết định lựa chọn ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
7	10/QĐ- HĐQT	16/8/2018	Quyết định thay đổi vốn điều lệ Công ty từ 16.750.000.000 đồng lên 23.450.000.000 đồng và sửa đổi Điều lệ Công ty theo vốn điều lệ mới.
8	11/NQ- HĐQT	22/8/2018	Quyết định về việc đăng ký chứng khoán bổ sung với VSD và đăng ký giao dịch cổ phiếu bổ sung với HNX.
9	12/NQ- HĐQT	05/3/2019	Quyết định thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.
10	13/NQ- HĐQT	26/3/2019	Quyết định thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019.

### III. Ban kiểm soát:

#### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2018-2023:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu / không còn là thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự họp
1	Đỗ Thị Thúy Hằng	Trưởng BKS	27/4/2018	3	100%	
2	Ngô Thị Đài Trang	Thành viên BKS	27/4/2018	3	100%	
3	Đặng Thị Thắm	Thành viên BKS	27/4/2018	3	100%	

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu / không còn là thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Thị Minh Hiếu	Thành viên BKS	27/4/2018	0	0%	Không còn là thành viên BKS

\* Thay đổi thành viên Ban kiểm soát (bao gồm lý do thay đổi):

STT	Thành viên BKS (mới)	Chức vụ	Thành viên BKS (cũ)	Lý do thay đổi
1	Đỗ Thị Thúy Hằng	Trưởng BKS	Đỗ Thị Thúy Hằng	
2	Ngô Thị Đài Trang	Thành viên BKS	Ngô Thị Đài Trang	
3	Đặng Thị Thắm	Thành viên BKS	Nguyễn Thị Minh Hiếu	Bầu lại thành viên BKS nhiệm kỳ 2018-2023

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc và cổ đông:

- Kiểm tra, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc liên quan đến việc thực hiện tài chính và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Giám sát việc tuân thủ điều lệ, quy chế quản trị và các quy định của pháp luật trong hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc. Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

- Kiểm tra, thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng và Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Ban kiểm soát đã tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt được tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Phòng ban chức năng của Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động Công ty, thu thập số liệu, thông tin..phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát.

#### IV. Đào tạo về quản trị công ty:

Tổ chức cho cán bộ lãnh đạo Công ty tham gia khóa đào tạo về quản trị Công ty, đào tạo về kỹ năng lãnh đạo cho thành viên Ban Giám đốc. Thường xuyên tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn ngắn hạn để nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý.

#### V. Danh sách về người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán và giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty

1. Danh sách về người có liên quan của Công ty:

(Đính kèm Danh sách)

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: *Không có*



3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát: *Không có*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): *Không có*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: *Không có*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: *Không có*

#### VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ:

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

(Đính kèm Danh sách)

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng..)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Đỗ Thúy Phương	Em ruột Trưởng BKS	1.243	0,053%	0	0%	Bán

#### VII. Các vấn đề cần lưu ý khác:

  
**Chủ tịch HĐQT**  
(Ký tên và đóng dấu)  
  
Nguyễn Cao Hà

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG  
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

*Biên Hòa, ngày 19 tháng 4 năm 2019*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Đính kèm theo báo cáo số 06/BC-HĐQT ngày 19/4/2019 về tình hình quản trị Công ty năm 2018, Công ty cung cấp thông tin về thay đổi danh sách về người có liên quan cũng như cổ đông nội bộ, người công bố thông tin và người có liên quan tính đến ngày 28/3/2019

**DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY ĐẾN NGÀY 28/3/2019**

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	CMND/ĐKKD			Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý Do
				Số	Ngày cấp	Nơi cấp				
1	Công ty CP Cấp nước Đồng Nai			3600259296	29/12/2014	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai	Số 48, đường Cách Mạng Tháng Tám, P Quyết Thắng, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai			Công ty liên kết
2	Nguyễn Cao Hà		Chủ tịch HĐQT	271040733	08-05-08	CA tỉnh Đồng Nai	18L, Cư xá Phúc Hải, P Tân Phong, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.	27-04-18		Được bầu làm Chủ tịch HĐQT
3	Đặng Trọng Thành		Thành viên HĐQT	270008982	30-01-13	CA tỉnh Đồng Nai	18/5B, Đường Cách mạng Tháng 8, Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.	27-04-18		Được bầu làm TV HĐQT
4	Trần Chiến Thắng		Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	271379677	22-03-11	CA tỉnh Đồng Nai	510A chung cư Thanh Bình – phường Thanh Bình – TP. Biên Hòa	27-04-18		Được bầu làm TV HĐQT



STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	CMND/ĐKKD			Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý Do
				Số	Ngày cấp	Nơi cấp				
5	Đỗ Thị Thúy Hằng	079C013520	Trưởng BKS	270689129	18-02-12	CA tỉnh Đồng Nai	Số 77/42 đường Hưng Đạo Vương, Phường Trung Dũng, BH Đồng Nai	27-04-18		Được bầu làm Trưởng BKS
6	Đặng Thị Thắm		Thành viên BKS	271478645	20-05-15	CA tỉnh Đồng Nai	142/11K, KP6, P.Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.	27-04-18		Được bầu làm TV BKS
7	Ngô Thị Đài Trang		Thành viên BKS	022840705	20-06-12	CA TP.HCM	1/59 Hoàng Việt, Phường 4, Q.Tân Bình, TP.HCM	27-04-18		Được bầu làm TV BKS
8	Phạm Văn Hội		Giám đốc	2701263601	02-07-13	CA tỉnh Đồng Nai	9B1, Khu phố 3, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	22-05-18		Được bổ nhiệm Giám đốc
9	Phan Bình		Phó Giám đốc	271309316	10-09-15	CA tỉnh Đồng Nai	Chung cư A1, Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường Quang Vinh, BH, Đồng Nai	22-05-18		Được bổ nhiệm Phó Giám đốc
10	Lê Chí Nguyễn Thăng		Kế toán trưởng	271161557	20-05-05	CA tỉnh Đồng Nai	15/2 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	22-05-18		Được bổ nhiệm Kế toán trưởng

Biên Hòa, ngày 19 tháng 4 năm 2019

Kính gửi: Đại hội cổ đông thường niên năm 2019

Đính kèm theo báo cáo số 06/BC-HĐQT ngày 19/4/2019 về tình hình quản trị Công ty năm 2018, Công ty cung cấp thông tin về thay đổi danh sách về người có liên quan cũng như cổ đông nội bộ, người công bố thông tin và người có liên quan

**DANH SÁCH VỀ NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**  
**ĐẾN NGÀY 28/3/2019**

STT	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	CMND/ĐKKD			Địa chỉ	Quan hệ	Số cổ phiếu đang sở hữu
				Số	Ngày cấp	Nơi cấp			
<b>I</b>	<b>CÁ NHÂN:</b>								
1	Nguyễn Cao Hà		Chủ tịch HĐQT	271040733	08-05-08	CA tỉnh Đồng Nai	18L, Cư xá Phúc Hải, P Tân Phong, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.		
1.1	Nguyễn Cao Hiền						KP2, thị trấn Ba Đồn, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.	Bố	
1.2	Võ Thị Hân						Xã Quảng Thành, Huyện Quảng Trạch, Tỉnh Quảng Bình;	Mẹ	
1.3	Phạm Thị Kim Tươi						18L, Cư xá Phúc Hải, P Tân Phong, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.	Vợ	
1.4	Nguyễn Thị Phương Thảo						18L, Cư xá Phúc Hải, P Tân Phong, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.	Con	
1.5	Nguyễn Thị Phương Huyền						18L, Cư xá Phúc Hải, P Tân Phong, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.	Con	
1.6	Nguyễn Thái Bình						xã Ynan, Huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Anh ruột	
1.7	Nguyễn Ngọc Thanh						P Tân Vạn, Biên Hòa, Đồng Nai	Anh ruột	
1.8	Nguyễn Thị Loan						xã Ynan, Huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Chị ruột	



STT	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	CMND/ĐKKD			Địa chỉ	Quan hệ	Số cổ phiếu đang sở hữu
				Số	Ngày cấp	Nơi cấp			
1.9	Nguyễn Cao Hải						Xã Quảng Thanh, Huyện Quảng Trạch, Tỉnh Quảng Bình.	Anh ruột	
1.10	Nguyễn Cao Hưng						Thị trấn Ba Đồn, Huyện Quảng Trạch, Tỉnh Quảng Bình.	Em Ruột	
2	<b>Đặng Trọng Thành</b>		Thành viên HĐQT	270008982	30-01-13	CA tỉnh Đồng Nai	18/5B, Đường Cách mạng Tháng 8, Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.		29.400
2.1	Đặng Đình Tường						-Xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.	Bố	
2.2	Nguyễn Thị Cận						D15, Khu phố 4, Phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Mẹ	
2.3	Đặng Minh Tuấn						D15, Phường Bửu Long thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Anh	
2.4	Đặng Thị Chi						Khu phố 6, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Em	
2.5	Đặng Thị Chung						Khu phố 6, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Em	
2.6	Đặng Hải Thế						Áp Nguyễn Huệ, xã Cuang Trung, huyện Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Em	
2.7	Đặng Xuân Tứ						11 tổ 13, khu phố 3, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Em	
2.8	Đặng Thị Tâm						Tổ 15, Khu phố 3, Phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Em	9.913
2.9	Đặng Thị Hiền						I51, Khu phố 1, Khu dân cư Bửu Long Phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Em	
2.10	Nguyễn Thị Tháo						18/5B Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Vợ	
2.11	Đặng Công Thanh						18/5B Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Con	196.000
2.12	Đặng Nguyễn Thanh Liêm						18/5B Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Con	140.147
2.13	Đặng Nguyễn Thanh An						18/5B Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Con	10.450
2.14	Đặng Nguyễn Minh Thư						18/5B Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Con	

STT	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	CMND/ĐKKD			Địa chỉ	Quan hệ	Số cổ phiếu đang sở hữu
				Số	Ngày cấp	Nơi cấp			
3	Trần Chiến Thắng		Thành viên HĐQT	271379677	22/03/2011	CA tỉnh Đồng Nai	510A chung cư Thanh Bình – phường Thanh Bình – TP. Biên Hòa	139.664	
3.1	Trần Xuân Côn						Xã Phước Tân – TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Bố	
3.2	Trịnh Thị Hải						Xã Phước Tân – TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Mẹ	
3.3	Trần Thị Minh Hoàn						Thành phố Đà Nẵng	Em Ruột	
3.4	Trần Công Toàn						Chung cư Thanh Bình – phường Thanh Bình – TP. Biên Hòa	Em Ruột	
3.5	Phạm Thị Hoa Đan						510A chung cư Thanh Bình – phường Thanh Bình – TP. Biên Hòa	Vợ	
3.6	Trần Minh Anh						510A chung cư Thanh Bình – phường Thanh Bình – TP. Biên Hòa	Con	
3.7	Trần Minh Vũ						510A chung cư Thanh Bình – phường Thanh Bình – TP. Biên Hòa	Con	
4	Đỗ Thị Thúy Hằng	079C013520	Trưởng BKS	270689129	18/02/2012	CA tỉnh Đồng Nai	Số 77/42 đường Hưng Đạo Vương, Phường Trung Dũng, BH Đồng Nai		
4.1	Đỗ Toàn Cơ						Đã mất năm 2011	Bố	
4.2	Lê Thị Nguyệt						Đã mất năm 1986	Mẹ	
4.3	Đỗ Thúy Phương						Số 77/42 đường Hưng Đạo Vương, Phường Trung Dũng, BH Đồng Nai	Em Ruột	
4.4	Đỗ Cao Quyền						Số 77/42 đường Hưng Đạo Vương, Phường Trung Dũng, BH Đồng Nai	Em Ruột	
5	Đặng Thị Thắm		Thành viên BKS	271478645	20/05/2015	CA tỉnh Đồng Nai	142/11K, KP6, P.Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.		
5.1	Đặng Xuân Cẩm						44, Kp9, P.Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai	Cha	
5.2	Đào Thị Đệ						44, Kp9, P.Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai	Mẹ	
5.3	Trần Văn Đông						142/11K, KP6, P.Tân Tiến, Tp. Biên Hòa Tỉnh Đồng Nai	Chồng	
5.4	Trần Bích Hà						142/11K, KP6, P.Tân Tiến, Tp. Biên Hòa Tỉnh Đồng Nai	Con	



STT	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	CMND/ĐKKD			Địa chỉ	Quan hệ	Số cổ phiếu đang sở hữu
				Số	Ngày cấp	Nơi cấp			
5.5	Trần Thị Minh Tâm					142/11K, KP6, P.Tân Tiến, Tp.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Con		
5.6	Đặng Văn Anh					44 -kp 9 – phường Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai.	Anh ruột		
5.7	Đặng Thị Mậu					9c- kp 9 – phường Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai.	Chị ruột		
5.8	Đặng Thị Châu					28/11 -kp 6 – phường Tam Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai	Chị ruột		
5.9	Đặng Thị Long					44C -kp 9 – phường Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai.	Chị ruột		
5.10	Đặng Thị Loan					32 -kp 9 – phường Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai.	Chị ruột		
5.11	Đặng Thị Hồng					44 -kp 9 – phường Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai.	Chị ruột		
5.12	Đặng Thị Thêu					44A -kp 9 – phường Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai	Em ruột		
6	Ngô Thị Đài Trang		Thành viên BKS	022840705	20/06/2012	1/59 Hoàng Việt, Phường 4, Q.Tân Bình, TP.HCM			
6.1	Ngô Diệp					Đã mất	Cha		
6.2	Cổ Thị Lôi					1/59 Hoàng Việt, Phường 4, Q.Tân Bình, TP.HCM	Mẹ		
6.3	Ngô Thị Kim Ngân					1/59 Hoàng Việt, Phường 4, Q.Tân Bình, TP.HCM	Chị ruột		
6.4	Ngô Thị Ngọc Hương					1/59 Hoàng Việt, Phường 4, Q.Tân Bình, TP.HCM	Em ruột		
6.5	Ngô Thị Ngọc Huyền					1/59 Hoàng Việt, Phường 4, Q.Tân Bình, TP.HCM	Em ruột		
6.6	Trần Minh Châu					1/59 Hoàng Việt, Phường 4, Q.Tân Bình, TP.HCM	Chồng		
6.7	Trần Bá Gia Phúc					1/59 Hoàng Việt, Phường 4, Q.Tân Bình, TP.HCM	Con		
6.8	Trần Gia Hán					1/59 Hoàng Việt, Phường 4, Q.Tân Bình, TP.HCM	Con		
7	Phạm Văn Hội		Giám đốc	2701263601	Đã mất	9B1, Khu phố 3, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.		42.112	
7.1	Phạm Văn Đơn					Đã mất	Cha		

STT	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	CMND/ĐKKD			Địa chỉ	Quan hệ	Số cổ phiếu đang sở hữu
				Số	Ngày cấp	Nơi cấp			
7.2	Phạm Thị Đồn						Đã mất	Mẹ	
7.3	Phạm Thị Út						9B1, Khu phố 3, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Vợ	
7.4	Phạm Phương Uyên						9B1, Khu phố 3, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Con	
7.5	Phạm Đức Huy						9B1, Khu phố 3, Phường Bình Đa, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Con	
7.6	Phạm Văn Đan						Đã mất	Anh	
7.7	Phạm Thị Nhung						Phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Em	
8	Phan Bình		Phó Giám đốc	271309316	10/09/2015	CA tỉnh Đồng Nai	Chung cư A1, Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường Quang Vinh, BH, Đồng Nai		3.213
8.1	Phan Kỳ						Huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai	Bố	
8.2	Văn Thị Kim Thu						Huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai	Ve	
8.3	Phan Thị Thu Trang						Xã Hòa An, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Chị ruột	
8.4	Phan Thị Thu Liên						Huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai	Em ruột	
8.5	Nguyễn Thị Uyên Phương						Chung cư A1, Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường Quang Vinh, BH, Đồng Nai	Vợ	
8.6	Phan Hữu						Chung cư A1, Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường Quang Vinh, BH, Đồng Nai	Con	
8.7	Phan Nguyễn Tâm Như						Chung cư A1, Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường Quang Vinh, BH, Đồng Nai	Con	
9	Lê Chí Nguyễn Thắng		Kế toán trưởng	271161557	20/05/2005	CA tỉnh Đồng Nai	15/2 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.		23.336
9.1	Lê Chí Quế						E25 Huỳnh Văn Nghệ, P. Bửu Long, Biên Hòa, Đồng Nai.	Cha	
9.2	Nguyễn Thị Bướm						E25 Huỳnh Văn Nghệ, P. Bửu Long, Biên Hòa, Đồng Nai.	Mẹ	
9.3	Lê Chí Nguyễn Khang						E25 Huỳnh Văn Nghệ, P. Bửu Long, Biên Hòa, Đồng Nai.	Anh	2.800



STT	Họ và tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty	CMND/ĐKKD			Địa chỉ	Quan hệ	Số cổ phiếu đang sở hữu
				Số	Ngày cấp	Nơi cấp			
9.4	Lê Chí Nguyễn Trang					E25 Huyện Văn Nghệ, P. Bửu Long, Biên Hòa, Đồng Nai	Anh		
9.5	Lê Thị Nguyễn Hằng					E26 Huyện Văn Nghệ, P. Bửu Long, Biên Hòa, Đồng Nai	Chị		
9.6	Lê Chí Nguyễn Tân					Quạt 1C, TP. Hồ Chí Minh	Em		
9.7	Trần Phạm Hoàng Quyên					15/2 Huyện Văn Nghệ, P. Bửu Long Biên Hòa Đồng Nai	Vợ		
9.8	Lê Trần Nguyễn Thảo					15/2 Huyện Văn Nghệ, P. Bửu Long Biên Hòa Đồng Nai	Con		
9.9	Lê Chí Nguyễn Bách					15/2 Huyện Văn Nghệ, P. Bửu Long Biên Hòa Đồng Nai	Con		
<b>II</b>	<b>TỔ CHỨC:</b>								
1	Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai			3600259296	29/12/2014	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh ĐN	Số 43, Cường Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Tổ chức có 01 thành viên (ông Nguyễn Văn Cao Hà) là Chủ tịch HĐQT của DVV.	<b>844.200</b>

**BÁO CÁO**  
**HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**  
**TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019

- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018.
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định trong Điều lệ Công ty.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai và kết quả kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2018 do Ban kiểm soát thực hiện.

Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông tình hình thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát trong năm 2018 như sau:

**A- KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2018:**

**1- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:**

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	% So với KH
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	23.450	23.450	100%
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	81.706	124.508	152,4 %
	- Doanh thu tiền nước	Triệu đồng	31.706	33.868	106,8 %
	- Doanh thu dịch vụ lắp đặt	Triệu đồng	50.000	90.493	181 %
	- Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	-	146,8	
	- Doanh thu khác	Triệu đồng	-	0,48	
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	8.000	13.497,7	168,7 %
4	Các khoản phải nộp NS	Triệu đồng	6.000	13.749,7	229 %
	<i>Trong đó, Thuế TNDN</i>	Triệu đồng	1.600	2.743,5	171,4%
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	6.400	10.754	168%
6	Tỷ suất LN sau thuế /Vốn ĐL	%	27,3 %	45,8%	168%
7	Tỉ lệ chia cổ tức (dự kiến)	%	20 %	25 %	125%

**Về công tác lắp đặt đường ống:**

- Lắp đặt hệ thống nước cho khách hàng theo các bảng chiết tính công tác lắp đặt nhận từ Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai và các công trình lắp đặt hệ thống nước cho khách hàng theo hợp đồng. Tổng số bảng chiết tính thực hiện năm 2018 là: 12.882 BCT.



- Thi công các công trình sửa chữa, cải tạo, di dời, trám trả..., mở rộng mạng lưới cấp nước do Công ty mẹ giao. Trong năm, đã hoàn thành các công trình đường ống có giá trị lớn như: Công trình nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước KCN Long Bình (Loteco) giai đoạn 2; Cải tạo chuyển đổi hệ thống cấp nước các hẻm thuộc KDC Phường An Bình (của HTX Long Biên bàn giao); Chuyển đổi hệ thống cấp nước các hẻm thuộc xã An Hòa- TP Biên Hòa; chuyển đổi cải tạo hệ thống cấp nước phường Long Bình Tân; phường Tam Hiệp, phường Hồ Nai, phường Trảng Dài...

- Tổng doanh thu xây lắp năm 2018: 90.493.334.711 đồng.

#### ***Về công tác sản xuất nước và các dịch vụ khác:***

- Nhà máy nước Hoá An công suất 15.000m<sup>3</sup>/ngày đêm hoạt động ổn định. Năm 2018, sản lượng nước sản xuất bình quân 13.415 m<sup>3</sup>/ngày đêm, đạt 89,4% công suất thiết kế. Chế độ vận hành và phân bổ bơm hợp lý. Chất lượng nguồn nước đảm bảo.

- Tình hình sản xuất nước trong năm 2018 như sau:

+ Nhà máy nước Hoá An 15.000m<sup>3</sup>/ngày đêm:

- ◆ Sản lượng nước sản xuất: 4.829.408 m<sup>3</sup>
- ◆ Sản lượng nước tiêu thụ: 3.951.826 m<sup>3</sup>
- ◆ Tỷ lệ thất thoát: 18,17 %
- ◆ Doanh thu năm 2018: 32.028.509.923 đồng

+ Trạm bơm nước thô Hoá An:

- ◆ Sản lượng nước sản xuất: 420.413 m<sup>3</sup>
- ◆ Sản lượng nước tiêu thụ : 408.239 m<sup>3</sup>
- ◆ Tỷ lệ thất thoát: 2,9 %
- ◆ Doanh thu năm 2018 : 1.839.292.470 đồng

- Tình hình phát triển khách hàng trên địa bàn cấp nước (4 phường xã):

- ◆ Tổng số khách hàng vào nước mới năm 2018 : 1.004 hộ khách hàng.
- ◆ Tổng số đồng hồ đầu nối đến 31/12/2018: 15.922 đồng hồ.

- Xưởng cơ khí gia công cơ khí các phụ tùng, vật tư... phục vụ công tác thi công lắp đặt đường ống. Gia cố, sửa chữa công cụ, dụng cụ thi công. Gia công các thiết bị, vật tư... phục vụ công tác bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành của nhà máy nước Hóa An.

#### **2- Công tác đầu tư XDCB, mua sắm TSCĐ:**

Trong năm 2018, Công ty đầu tư TSCĐ vô hình phục vụ công tác ghi thu, với tổng giá trị: 340.000.000 đồng. Bao gồm:

- + Phần mềm quản lý ghi thu: 160.000.000 đ
- + Phần mềm hóa đơn điện tử: 130.000.000 đ
- + Phần mềm ghi chỉ số nước: 50.000.000 đ

Việc đầu tư TSCĐ phục vụ SXKD thực hiện đúng quy định tại Quy chế tài chính của Công ty.

#### **3- Công tác tổ chức, lao động và nhân sự:**

- Tình hình tổ chức, nhân sự ổn định. Việc bố trí, sắp xếp lao động hợp lý, đáp ứng được yêu cầu sản xuất hiện nay. Tổ chức phân công lao động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận.

- Tổng số CB CNV đến thời điểm 31/12/2018 là: 119 người
- Tổng quỹ lương thực hiện năm 2018: 19.477 triệu đồng
- Thu nhập bình quân: 13 triệu đồng/người/tháng.

- Công ty quản lý lao động - tiền lương đúng quy định và chăm lo tốt đời sống CB-CNV. Trong năm 2018, Công ty thực hiện các nội dung về thoả ước lao động tập thể đã ký với người lao động; thực hiện qui chế trả lương, thưởng và trích nộp BHXH, BHYT theo đúng qui định. Thu nhập và đời sống người lao động được cải thiện, người lao động an tâm công tác và hoàn thành nhiệm vụ.

- Công tác đoàn thể hoạt động tích cực. Quy chế dân chủ cơ sở được phát huy. Công tác xã hội cũng được quan tâm thực hiện.

#### 4- Công tác Tài chính - kế toán:

Việc quản lý tài chính: Tuân thủ theo quy định của pháp luật và qui chế tài chính Công ty đã ban hành. Thực hiện đúng nghĩa vụ báo cáo thuế và nộp ngân sách.

Kế toán áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính. Lập biểu mẫu và mở sổ sách kế toán đúng qui định. Các chỉ số tài chính nằm trong giới hạn cho phép, không có rủi ro về tài chính. Công ty chấp hành qui chế về quản lý tài chính, sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, bảo toàn và phát triển được vốn chủ sở hữu.

### B- BÁO CÁO GIÁM SÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH:

#### 1 -Tình hình tài chính đến 31/12/2018:

*Đơn vị tính: đồng*

<b>I</b>	<b>Tài sản của Công ty (đến 31/12/2018):</b>	<b>85.842.524.118</b>
<b>1</b>	<b>Tài sản ngắn hạn:</b>	<b>34.011.489.947</b>
	- Số dư tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	13.713.412.043
	- Nợ phải thu ngắn hạn	20.001.322.632
	- Hàng tồn kho	296.755.272
	- Tài sản ngắn hạn khác	-
<b>2</b>	<b>Tài sản dài hạn:</b>	<b>51.831.034.171</b>
	- Tài sản cố định:	51.577.111.964
	+ Nguyên giá TSCĐ:	100.056.064.701
	+ Giá trị hao mòn trong kỳ:	(11.866.122.839)
	+ Giá trị hao mòn lũy kế:	(48.478.952.737)
	- Nợ phải thu dài hạn	253.922.207
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn của Công ty (đến 31/12/2018):</b>	<b>85.842.524.118</b>
<b>1</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>42.592.613.670</b>
	- Nợ ngắn hạn	20.208.992.826
	- Nợ dài hạn	22.383.620.844
<b>2</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>43.249.910.448</b>
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	23.450.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	31.510.500
	- Quỹ đầu tư phát triển	4.180.507.341
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.587.892.607
	+ Lợi nhuận chưa phân phối đến cuối kỳ trước	4.833.689.664
	+ Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	10.754.202.943



## 2- Kết quả kinh doanh năm 2018:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm 2018	% so với KH 2018
1	Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp DV	124.361.137.104	152,2 %
	- Doanh thu xây lắp	90.493.334.711	181 %
	- Doanh thu tiền nước	33.867.802.393	106,8 %
2	Doanh thu hoạt động tài chính	146.834.688	
3	Giá vốn hàng bán	92.837.578.381	139,17%
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	31.523.558.723	210,16%
5	Chi phí tài chính	2.138.804.000	
6	Chi phí bán hàng	3.126.576.723	
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.907.739.249	
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.497.273.439	168,7%
9	Thu nhập khác	480.240	
10	Chi phí khác	-	
11	Lợi nhuận khác	480.240	
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.497.753.679	168,7%
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.743.550.736	171,47 %
14	Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.754.202.943	168%
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.725	141%

## 3- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2018:

Các chỉ tiêu tài chính trên đã được thể hiện rõ ràng trong Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty, được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam.

Sau khi thẩm định, kiểm tra, đối chiếu từ hệ thống sổ sách kế toán, Ban kiểm soát xác nhận: Báo cáo tài chính năm 2018 đã phản ánh trung thực và chính xác các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018.

## 4- Tình hình phân phối lợi nhuận trong năm 2018:

- Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 vào ngày 27/4/2018 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017. Theo đó, Công ty đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận của năm 2017 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ như sau:

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2017: 11.524.429.341 đồng
  - + Nộp thuế TNDN năm 2017 : 1.091.212.732 đ
  - + Trích lập các quỹ (25,5% LNST): 2.660.470.234 đ.
  - + Chi cổ tức năm 2017 (48,16% LNST): 5.025.000.000 đ (Tỷ lệ cổ tức: 30%/VĐL).
  - + Lợi nhuận bổ sung Quỹ đầu tư phát triển: 2.608.304.152 đ
  - + Lợi nhuận bổ sung khen thưởng-phúc lợi: 1.043.321.661 đ
  - + Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2018: 4.833.689.664 đ

- Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2018 sẽ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 quyết định (dự kiến chi cổ tức năm 2018 là: 25%/VĐL).

## 5- Đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2017
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
	Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	60,38	58,48
	Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	39,62	41,52
	Vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản	%	50,38	35,73
	Hệ số nợ / Tổng tài sản	%	49,61	64,26
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
	Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	50,38	35,73
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	lần	0,49	0,64
	Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	lần	0,98	1,79
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu thanh khoản</b>			
	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,68	0,81
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,67	0,63
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu hoạt động</b>			
	Hệ số vòng quay tổng tài sản	lần	1,25	0,95
	Hiệu quả sử dụng TSCĐ	lần	2,4	1,79
	Hệ số bảo toàn vốn	lần	1,08	1,08
<b>5</b>	<b>Tỷ suất sinh lợi</b>			
	Tỉ suất LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	10,85	8,76
	Tỉ suất LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	25,78	26,96
	Tỉ suất LNST / Doanh thu thuần (ROS)	%	8,65	9,2

Cơ cấu tài sản và nguồn vốn năm 2018 thay đổi so với năm 2017: tỷ trọng vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản tăng lên và hệ số Nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu giảm xuống, cho thấy tình hình tài chính Công ty được cải thiện theo hướng tích cực.

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán cũng tốt hơn so với năm 2017 mặc dù chỉ tiêu cân nợ là tương đối cao (Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn = 49%). Tình hình tài chính và khả năng thanh toán nợ của Công ty vẫn trong tầm kiểm soát. Trong năm, Công ty đã tính toán, cân đối các nguồn để thanh toán các khoản nợ vay, đảm bảo sản xuất kinh doanh và an toàn tài chính.

Các chỉ tiêu về tỷ suất sinh lời khá tốt. Tuy nhiên, tỷ suất LNST/ Doanh thu thuần của năm 2018 giảm so với 2017. Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo cần phải xem xét và phân tích chỉ tiêu này để có giải pháp trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Hoạt động thi công lắp đặt hệ thống nước là hoạt động chủ yếu của Công ty. Những năm gần đây, công ty mẹ chủ trương cải tạo, chuyển đổi hệ thống nước cho các khu dân cư thuộc phạm vi nội ô, ngoại ô thành phố Biên Hòa. Do vậy, năm 2018 khối lượng công việc nhận được từ Công ty mẹ là ổn định, thường xuyên và khá lớn. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Trong thời gian tới, chương trình này đã đi vào giai đoạn kết thúc, dự đoán mức sản lượng và doanh thu lắp đặt của Công ty sẽ bão hòa, không còn tăng đột biến như những năm qua.



Ngoài ra, do thỏa thuận mới về các hợp đồng lắp đặt với Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai: tỷ lệ chi phí nhân công, chi phí chung mà Công ty được hưởng sẽ giảm khoảng 50%. Từ đó, tỷ suất Lợi nhuận/Doanh thu của Công ty cũng có xu hướng giảm.

## **C- ĐÁNH GIÁ VIỆC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

### **1- Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty:**

- Hội đồng quản trị Công ty gồm 03 thành viên, trong đó có 01 thành viên hoạt động chuyên trách, giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty. Các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.

- Hội đồng quản trị chỉ đạo kịp thời mọi hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty; đề ra các chủ trương, định hướng phù hợp tình hình Công ty và nhiệm vụ được giao.

- Thông qua các báo cáo của Giám đốc Công ty tại các cuộc họp Hội đồng quản trị và thông qua nội dung đánh giá của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính và điều hành Công ty của Giám đốc, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, chủ động trong việc chỉ đạo điều hành.. đảm bảo cho hoạt động của Công ty một cách tốt nhất.

- Trong năm 2018, Hội đồng quản trị tiến hành các phiên họp định kỳ và đột xuất để trao đổi, bàn bạc các vấn đề liên quan việc chỉ đạo, điều hành hoạt động Công ty. Thường xuyên theo dõi công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc Công ty, phối hợp với Ban kiểm soát giám sát các vấn đề như:

- Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật hiện hành và các Quy chế của Công ty.
- Việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.
- Thực hiện các Quyết định của Hội đồng Quản trị ban hành liên quan đến sản xuất kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp.

- Hoạt động Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty luôn phối hợp chặt chẽ, đồng thuận trên cơ sở phân đấu hoàn thành các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **2- Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:**

- Ban Giám đốc gồm 04 thành viên (01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc và 01 Kế toán trưởng) đều thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của mình trong công việc.

- Ban Giám đốc quản lý và điều hành chặt chẽ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

- Ban Giám đốc trực tiếp điều hành mọi hoạt động của doanh nghiệp: công tác thi công các công trình lắp đặt, công tác quản lý sản xuất của nhà máy nước ; công tác đầu tư mua sắm TSCĐ; công tác quản trị doanh nghiệp; chính sách đối với người lao động.. đảm bảo hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, lợi ích của cổ đông và người lao động.

- Ban Giám đốc luôn bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra, linh hoạt trong tổ chức và điều hành, tranh thủ sự hỗ trợ và ý kiến chỉ đạo từ Công ty mẹ, đưa ra các giải pháp cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

- Định kỳ hàng Quý, 6 tháng và hàng năm, Giám đốc Công ty báo cáo Hội đồng quản trị các chỉ tiêu tài chính chủ yếu đã thực hiện trong kỳ. Tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Giám đốc báo cáo tình hình SXKD, trình bày phương hướng kế hoạch trong thời gian tới để Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá kết quả thực hiện và có biện pháp chỉ đạo trong quý kế tiếp.

- Năm 2018, Ban Giám đốc Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, bao gồm khối lượng thi công lắp đặt theo kế hoạch và kế hoạch sản xuất cung cấp nước sạch phục vụ nhu cầu sử dụng nước cho dân cư 04 phường xã: Hóa An, Tân Hải, Bình Hòa, Tân Vạn

### **3- Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc, Ban quản lý điều hành và cổ đông:**

- Hội đồng quản trị cùng với Ban lãnh đạo Công ty đã chỉ đạo sát sao và điều hành chặt chẽ mọi hoạt động của Công ty, tập trung thực hiện hoàn thành nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Hội đồng quản trị và Ban quản lý điều hành Công ty đã phát huy năng lực của bộ máy quản trị điều hành, vai trò lãnh đạo và trách nhiệm trước CB-CNV và cổ đông của Công ty; chấp hành qui định của pháp luật trong việc quản lý điều hành; thống nhất trong công tác quản lý và không có xung đột về quyền lợi.

- Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi, góp ý với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

- Ban quản lý điều hành Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành công tác kiểm tra, giám sát.

- Ban kiểm soát giám sát Công ty trong việc quan hệ với cổ đông. Trong năm 2018, Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hoặc khiếu nại của cổ đông.

- Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty luôn thống nhất trên cơ sở tuân thủ các qui định pháp luật và phân đấu vì mục tiêu chung của Công ty.

## **D- ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018:**

### **1- Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện công việc kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động và tình hình tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trong năm 2018 Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ được qui định. Cụ thể như sau:

- Thực hiện kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trong quá trình quản lý, điều hành; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về thực hiện nhiệm vụ được giao.



- Kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong việc triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018, việc thực hiện qui chế quản trị nội bộ, qui chế tài chính, các quy định về quản trị doanh nghiệp...

- Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư XDUB, việc chấp hành chế độ, chính sách Nhà nước, việc thực hiện chính sách đối với người lao động, quan hệ với cổ đông, nghĩa vụ của công ty đại chúng.

- Xem xét tính hợp lệ và sự phù hợp các quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành sản xuất, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và đảm bảo lợi ích của các cổ đông.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý điều hành, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Xem xét, kiểm tra Báo cáo tài chính Quý, 6 tháng, hàng năm của doanh nghiệp. Phối hợp với Phòng Tài chính kế toán làm rõ các nội dung trong Báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng, cả năm 2018. Xem xét các báo cáo soát xét và báo cáo tài chính đã kiểm toán của tổ chức kiểm toán độc lập.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt được các chủ trương, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý, 6 tháng, năm.

- Báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

- Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tiến hành 03 cuộc họp với các nội dung sau:

- + Bầu Trưởng ban kiểm soát sau khi thay đổi nhân sự BKS nhiệm kỳ 2018-2023
- + Xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2018 và phân công nhiệm vụ của BKS.
- + Thẩm định BCTC năm 2018.

## **2- Phân công nhiệm vụ của các thành viên Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, được phân công nhiệm vụ như sau:

- *Đỗ Thị Thúy Hằng (Trưởng BKS)*: Thực hiện nhiệm vụ của Trưởng BKS theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Chịu trách nhiệm chung về toàn bộ hoạt động của Ban kiểm soát. Phân công và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên BKS. Tổng hợp và lập các báo cáo của BKS.

- *Ngô Thị Đài Trang (Thành viên BKS)*: Kiểm tra chi phí SXKD của Công ty qua các báo cáo tài chính của Công ty. Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ công ty đại chúng, việc thực hiện các quan hệ của Công ty với cổ đông, nhà đầu tư.

- *Đặng Thị Thắm (Thành viên BKS)*: Kiểm tra doanh thu, công nợ phải thu. Kiểm tra hồ sơ của các công trình lắp đặt, việc ký kết và thực hiện các hợp đồng lắp đặt...

## **3- Tiền lương và thù lao của Ban kiểm soát năm 2018:**

Tiền lương và thù lao của Ban kiểm soát năm 2018 thực hiện theo mức tiền lương, thù lao đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 thông qua:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Tiền lương	Thưởng
1	Đỗ Thị Thúy Hằng	Trưởng BKS		264.000.000	30.000.000
2	Ngô Thị Đại Trang	TV BKS	52.000.000		8.000.000
3	Nguyễn Thị Minh Hiếu (Từ tháng 1 → 4/2018)	TV BKS	12.000.000		8.000.000
4	Đặng Thị Thắm (Từ tháng 5 → 12/2018)	TV BKS	40.000.000		

(Mức lương và thù lao trên bao gồm cả thuế thu nhập cá nhân và Công ty đã trừ thuế TNCN theo qui định)

#### E- KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019:

- Xây dựng kế hoạch công tác năm 2019 của Ban kiểm soát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định. Phân công, phân nhiệm để phối hợp thực hiện nhiệm vụ năm 2019.

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tình hình quản trị, việc quản lý, sử dụng vốn tại Công ty cổ phần.

- Giám sát việc tuân thủ các qui định của pháp luật và Điều lệ của Công ty trong công tác quản lý điều hành, trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc; xem xét việc ban hành và thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc.

- Giám sát việc thực hiện qui chế nội bộ về quản trị Công ty, thực hiện quyền và nghĩa vụ cổ đông, các nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin của công ty cổ phần.

- Hỗ trợ bộ phận kế toán về công tác chuyên môn. Hỗ trợ Công ty các công việc liên quan đến hoạt động của công ty cổ phần đại chúng.

- Kiểm tra định kỳ sổ sách, chứng từ kế toán, các tài liệu có liên quan. Xác nhận số liệu báo cáo tài chính & kết quả kinh doanh 6 tháng và cả năm. Lập các báo cáo cho Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Đại hội đồng cổ đông theo qui định.

- Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát qui định tại Điều lệ Công ty, qui chế hoạt động của Ban kiểm soát hoặc do Đại hội đồng cổ đông yêu cầu.

- Phân đấu nâng cao năng lực của từng thành viên trong Ban kiểm soát, khắc phục những hạn chế sai sót để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát hoạt động Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai năm 2018 và báo cáo đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu VT.





**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**MỤC LỤC**

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 29

02  
C  
M  
RSN



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 27/04/2018)
Ông Đặng Trọng Thành	Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch và bổ nhiệm chức danh Thành viên ngày 27/04/2018
Ông Trần Chiến Thắng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27/04/2018)
Ông Phạm Văn Hội	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27/04/2018)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đỗ Thị Thúy Hằng	Trưởng ban
Bà Ngô Thị Đài Trang	Thành viên
Bà Đặng Thị Thắm	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27/04/2018)
Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27/04/2018)

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Văn Hội	Giám đốc
Ông Trần Chiến Thắng	Phó Giám đốc
Ông Phan Bình	Phó Giám đốc

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Phạm Văn Hội**

**Giám đốc**

Đồng Nai, ngày 08 tháng 3 năm 2019

5/5  
T  
4  
T  
N  
5/5



Số: 19.119/BCKT-RSM HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày tháng năm 2019 từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

RSM

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 27 tháng 03 năm 2018.

KIỂM TÔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2019

Trịnh Thanh Thanh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
2820-2016-026-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>34.011.489.947</b>	<b>46.685.497.747</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>13.713.412.043</b>	<b>11.016.087.374</b>
1. Tiền	111		10.113.412.043	11.016.087.374
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.600.000.000	-
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>20.001.322.632</b>	<b>24.657.712.233</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	18.758.311.058	23.988.694.219
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		807.960.209	101.516.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.3	571.904.419	567.502.014
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(136.853.054)	-
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>296.755.272</b>	<b>10.246.809.982</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.5	296.755.272	10.246.809.982
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>764.888.158</b>
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	764.888.158
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>51.831.034.171</b>	<b>65.765.504.626</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>253.922.207</b>	<b>2.662.269.823</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.2	2.676.444.996	2.749.781.996
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(2.422.522.789)	(87.512.173)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>51.577.111.964</b>	<b>63.103.234.803</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	51.317.194.155	63.103.234.803
Nguyên giá	222		99.716.064.701	99.716.064.701
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.398.870.546)	(36.612.829.898)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.7	259.917.809	-
Nguyên giá	228		340.000.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(80.082.191)	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>85.842.524.118</b>	<b>112.451.002.373</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>42.592.613.670</b>	<b>72.209.024.034</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>20.208.002.826</b>	<b>67.642.453.790</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		606.940.891	26.020.597.394
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		736.000.000	39.889.821
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	1.492.541.240	230.417.196
4. Phải trả người lao động	314	4.9	6.154.909.610	8.593.202.398
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.10	930.658.961	910.275.091
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.11	5.625.000.000	18.750.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.12	4.762.942.124	2.998.071.890
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>22.383.620.844</b>	<b>14.727.370.844</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		102.370.844	102.370.844
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		250.000.000	250.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.11	22.031.250.000	14.375.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>43.249.910.448</b>	<b>40.181.177.739</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.13</b>	<b>43.249.910.440</b>	<b>40.181.177.730</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		23.450.000.000	16.750.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		23.450.000.000	16.750.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		31.510.500	31.510.500
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.180.507.341	7.228.881.528
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.587.892.607	16.170.785.711
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		4.833.689.664	5.737.569.102
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.754.202.943	10.433.216.609
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>85.842.524.118</b>	<b>112.451.002.373</b>



Phạm Văn Hội  
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 3 năm 2019

Lê Chí Nguyên Thăng  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	124.408.002.949	112.092.439.719
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		15.525.815	949.352
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		124.361.137.104	112.891.490.367
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	92.837.578.381	93.944.323.312
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.523.558.723	18.947.167.055
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		146.834.688	653.627.737
7. Chi phí tài chính	22	5.3	2.138.804.000	2.823.823.000
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		2.138.804.000	2.823.823.000
8. Chi phí bán hàng	25	5.4	3.126.576.723	1.549.724.397
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	12.907.739.249	3.702.812.211
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.497.273.439	11.524.405.181
11. Thu nhập khác	31		480.240	1.424.160
12. Chi phí khác	32		-	1.400.000
13. Lợi nhuận khác	40		480.240	24.160
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.497.753.679	11.524.429.341
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	2.743.550.736	1.091.212.732
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.754.202.943	10.433.216.609
17. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70		4.725	4.640

89  
T  
H  
& T  
TN  
10



**Phạm Văn Hội**  
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 18 tháng 3 năm 2019

**Lê Chí Nguyên Thăng**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Hoa**  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.497.753.679	11.524.429.341
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	5.6	11.866.122.839	11.589.958.882
Các khoản dự phòng	03		2.471.863.670	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(146.834.688)	(653.627.737)
Chi phí lãi vay	06		2.138.804.000	2.823.823.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>29.827.709.500</b>	<b>25.284.583.486</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4.745.995.596	(6.308.975.012)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		9.950.054.710	(9.857.254.470)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(26.722.438.147)	(7.294.269.961)
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.138.804.000)	(2.823.823.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.5	(1.382.677.678)	(2.921.114.452)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(895.600.000)	(751.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<b>13.384.239.981</b>	<b>(4.672.353.409)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(340.000.000)	(2.218.733.183)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		146.834.688	653.627.737
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<b>(193.165.312)</b>	<b>(1.565.105.446)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	15.000.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(20.468.750.000)	(8.750.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.025.000.000)	(5.025.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		<b>(10.493.750.000)</b>	<b>(13.775.000.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>2.697.324.669</b>	<b>(20.012.458.855)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		<b>11.016.087.374</b>	<b>31.028.546.229</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4.1</b>	<b>13.713.412.043</b>	<b>11.016.087.374</b>



Phạm Văn Hội

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 3 năm 2019

Lê Chí Nguyên Thăng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa

Người lập



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Xí nghiệp Thiết kế xây dựng - một đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai, Ngày 24 tháng 09 năm 2007, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 3058/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Xí nghiệp Thiết kế xây dựng thành công ty cổ phần. Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 18 tháng 02 năm 2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000499 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 28 tháng 09 năm 2017.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 241/2017/GCNCP-VSD ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 29 tháng 05 năm 2018, Công ty chính thức được giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 289/QĐ-SGDHN.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 16.750.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Việt Nam	8.442.000.000	36	6.030.000.000	36
Các nhà đầu tư khác	Việt Nam	15.008.000.000	64	10.720.000.000	64
<b>Cộng</b>		<b>23.450.000.000</b>	<b>100</b>	<b>16.750.000.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 120 (31 tháng 12 năm 2017: 126).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất và dịch vụ.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước, trạm bơm;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Lắp đặt ống cấp nước, thoát nước, bơm;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, công trình công nghiệp;
- Giám sát thi công lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước;
- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng;
- Sản xuất sản phẩm kim loại ngành xây dựng (Không sản xuất tại trụ sở);
- Khai thác nước phục vụ công nghiệp;
- Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### **1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

### **2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### **2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

## **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

### **3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

### **3.3. Nợ phải thu**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### ***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.4. Hàng tồn kho**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### **3.5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

#### ***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

67  
N  
TN  
OÁI  
VI  
P



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2018</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 – 08 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 30 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm

#### 3.6. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

#### 3.7. Nguồn vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá trị tài sản, nợ phải trả được chuyển thành vốn lớn hơn giá trị phần vốn được tính là vốn góp của chủ sở hữu.

##### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

#### 3.8. Doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

#### 3.9. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là khoản hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

#### **3.10. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

#### **3.11. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ.

#### **3.12. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí lắp đặt hệ thống nước cho khách hàng là hộ gia đình, chi phí thay thế đồng hồ nước, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (cả hoạt động lắp đặt),....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

#### **3.13. Thuế**

##### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

##### ***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

##### ***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cung cấp nước: 5%;
- Dịch vụ lắp đặt: 10%;

##### ***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### **3.14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.16. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	141.508.926	63.542.105
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.971.903.117	10.952.545.269
Các khoản tương đương tiền	3.600.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>13.713.412.043</b>	<b>11.016.087.374</b>

**4.2. Phải thu của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 7.	15.248.713.956	20.331.006.500
Các khách hàng khác	3.509.597.102	3.657.687.719
<b>Cộng</b>	<b>18.758.311.058</b>	<b>23.988.694.219</b>
Dài hạn:		
Phải thu từ khách hàng:		
Ban Quản lý dự án TP. Biên Hòa	1.300.369.020	1.373.706.020
UBND Phường Long Bình	1.288.563.803	1.288.563.803
Công ty TNHH XD Duy Tiên	87.512.173	87.512.173
<b>Cộng</b>	<b>2.676.444.996</b>	<b>2.749.781.996</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.3. Phải thu ngắn hạn khác**

Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
198.922.828	222.436.320
372.981.591	345.035.694
<b>571.904.419</b>	<b>567.572.014</b>

Tạm ứng

Ký quỹ, ký cược

Cộng

**4.4. Nợ xấu**

Tại ngày 31/12/2018  
VND

Tại ngày 01/01/2018  
VND

Giá gốc

Giá trị có thể thu  
hồi

Giá gốc

Giá trị có thể thu  
hồi

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

2.836.431.811

277.055.968

2.749.781.996

2.662.269.823



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018			Tại ngày 01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Ban Quản lý dự án TP. Biên Hòa	1.300.369.020	-	Trên 3 năm Từ 1 năm	1.373.706.020	1.373.706.020	Trên 3 năm Từ 6 tháng đến
UBND Phường Long Bình Công ty TNHH XD Duy Tiên	1.288.563.803 87.512.173	253.922.207	đến trên 3 năm Trên 3 năm	1.288.563.803 87.512.173	1.288.563.803	trên 3 năm Trên 3 năm
Các khách hàng khác	159.986.815	23.133.761	Từ 6 tháng đến 3 năm	-	-	Trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>2.836.431.811</b>	<b>277.055.968</b>		<b>2.749.781.996</b>	<b>2.662.269.823</b>	

**4.5. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	137.221.272	145.025.020
Công cụ, dụng cụ	159.534.000	68.234.962
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	13.033.550.000
<b>Cộng</b>	<b>296.755.272</b>	<b>10.246.809.982</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2018	17.484.423.234	25.449.732.465	56.321.568.003	460.340.999	99.716.064.701
Tại ngày 31/12/2018	<b>17.484.423.234</b>	<b>25.449.732.465</b>	<b>56.321.568.003</b>	<b>460.340.999</b>	<b>99.716.064.701</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2018	9.942.010.489	13.670.990.927	12.842.103.227	157.725.255	36.512.829.898
Khấu hao trong năm	2.412.726.183	3.540.641.299	5.740.469.671	92.203.495	11.786.040.648
Tại ngày 31/12/2018	<b>12.354.736.672</b>	<b>17.211.632.226</b>	<b>18.582.572.898</b>	<b>249.928.750</b>	<b>48.398.870.546</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2018	7.542.412.745	11.778.741.538	43.479.464.776	302.615.744	63.103.234.803
Tại ngày 31/12/2018	<b>5.129.686.562</b>	<b>8.238.100.239</b>	<b>37.738.995.105</b>	<b>210.412.249</b>	<b>51.317.194.155</b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 33.840.562.125 VND đã được dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.7 Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.809.165.250 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2018	-
Tăng trong năm	340.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>340.000.000</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2018	-
Khấu hao trong năm	80.082.191
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>80.082.191</b>
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2018	-
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>259.917.809</b>

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.8. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2018		Trong năm		Tại ngày 01/01/2018	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND		VND		VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	442.695.861	7.179.698.635	6.583.880.725	153.122.043	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	749.106.949	2.743.550.736	1.382.677.678	611.766.103	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	7.800.000	633.559.730	626.659.730	-	900.000
Thuế tài nguyên	-	13.696.365	164.614.365	163.659.705	-	12.741.705
Các loại thuế khác	-	-	244.992.474	244.992.474	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	279.242.065	2.783.351.541	2.720.884.967	-	2.16.775.491
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.492.541.240</b>	<b>13.749.767.481</b>	<b>11.722.755.279</b>	<b>764.888.156</b>	<b>250.417.196</b>

**4.9. Phải trả người lao động**

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
Tiền lương tháng 12	1.045.513.910	737.175.350
Tiền thưởng	2.668.770.000	4.710.071.780
Trích dự phòng quỹ tiền lương	2.440.625.700	3.145.955.268
<b>Cộng</b>	<b>6.154.909.610</b>	<b>8.593.202.398</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.10. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải trả khách hàng là bên liên quan – Xem thêm mục 7	293.508.224	293.508.224
Kinh phí công đoàn	193.122.832	193.122.832
Bảo hiểm xã hội	25.779.319	59.363.607
Bảo hiểm y tế	40.156.027	46.527.841
Bảo hiểm thất nghiệp	29.860.831	35.013.107
Phải trả khác	348.231.728	282.739.480
<b>Cộng</b>	<b>930.658.961</b>	<b>910.275.091</b>

**4.11. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn:	5.625.000.000	5.625.000.000	5.625.000.000	18.750.000.000	18.750.000.000	18.750.000.000
Vay dài hạn:	22.031.250.000	22.031.250.000	15.000.000.000	7.343.750.000	14.375.000.000	14.375.000.000
<b>Cộng</b>	<b>27.656.250.000</b>	<b>27.656.250.000</b>	<b>20.625.000.000</b>	<b>26.093.750.000</b>	<b>33.125.000.000</b>	<b>33.125.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
<b>Vay ngắn hạn:</b>			
Công ty Cổ phần cấp nước Nhơn Trạch	7% năm	-	15.000.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả:</b>			
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai	7% - 7,8%/năm	5.625.000.000	3.750.000.000
<b>Cộng</b>		<b>5.625.000.000</b>	<b>18.750.000.000</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
<b>Vay dài hạn:</b>			
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai	7% - 7,3%/năm	22.031.250.000	14.375.000.000

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

- Hệ thống phân phối nước khu vực 04 phường xã: Hóa An, Tân Hạnh, Hữu Hòa và Tân Vạn;
- Xe tải ben HD601,8 tấn biển số 60C 212 57;
- Xe toyota Zace 8 chỗ, biển số 60A 227 82;
- Xe tải nhẹ KIA biển số 60C 212 62.

Giá trị còn lại của các khoản tài sản cầm cố thế chấp là 33.840.562.125 VND – Xem thêm mục 4.4.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VND
Tại ngày 01/01/2018	2.998.071.890
Trích trong năm	2.660.470.234
Chi trong năm	(895.600.000)
	<hr/>
Tại ngày 31/12/2018	<b>4.762.942.124</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.13. Vốn chủ sở hữu**

**4.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2017	16.750.000.000	31.510.500	5.160.587.634	15.261.108.322	37.233.206.456
Lãi trong năm trước	-	-	-	10.433.216.609	10.433.216.609
Trích các quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.068.293.894	(2.068.293.894)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.430.245.326)	(2.430.245.326)
Chia cổ tức	-	-	-	(5.025.000.000)	(5.025.000.000)
Tại ngày 01/01/2018	16.750.000.000	31.510.500	7.228.881.528	16.170.785.711	40.131.177.739
Tăng vốn trong năm nay	6.700.000.000	-	(6.700.000.000)	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	10.754.202.943	10.754.202.943
Trích các quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.651.625.813	(3.651.625.813)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.660.470.234)	(2.660.470.234)
Chia cổ tức	-	-	-	(5.025.000.000)	(5.025.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>23.450.000.000</b>	<b>31.510.500</b>	<b>4.180.507.341</b>	<b>15.587.892.607</b>	<b>43.249.910.448</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.13.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn góp đầu năm	16.750.000.000	16.750.000.000
Vốn góp tăng trong năm	.6.700.000.000	-
<b>Vốn góp cuối năm</b>	<b>23.450.000.000</b>	<b>16.750.000.000</b>

**4.13.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.450.000	1.675.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.450.000	1.675.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.450.000	1.675.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.13.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	10.754.202.943	10.433.216.609
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.720.672.471	2.660.470.234
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.033.530.472	7.772.746.375
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	1.911.795	1.675.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.725</b>	<b>4.640</b>

**4.13.5. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2018	7.228.881.528
Trích trong năm	3.651.625.813
Chị trong năm	(6.700.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>4.180.507.341</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu cấp nước	33.867.802.393	31.539.364.200
Doanh thu hoạt động xây lắp	90.538.860.556	81.353.075.519
<b>Cộng</b>	<b>124.406.662.949</b>	<b>112.892.439.719</b>
Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7.	75.094.277.778	63.906.318.021

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hoạt động cấp nước	23.723.000.703	23.161.274.113
Giá vốn hoạt động xây lắp	69.114.497.598	70.783.049.199
<b>Cộng</b>	<b>92.837.578.381</b>	<b>93.944.323.312</b>

**5.3. Chi phí tài chính**

Là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ. Trong đó, chi phí lãi vay đối với bên liên quan là 87.500.000 VND – Xem thêm mục 7.

**5.4. Chi phí bán hàng**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên	1.783.355.079	329.432.476
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.239.635.864	1.192.969.341
Chi phí khác	103.585.780	27.322.580
<b>Cộng</b>	<b>3.126.576.723</b>	<b>1.549.724.397</b>

**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.633.289.624	2.698.141.042
Chi phí dự phòng	2.471.863.670	-
Chi phí khác	3.802.585.955	1.004.701.172
<b>Cộng</b>	<b>12.907.739.249</b>	<b>3.702.842.214</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.797.852.464	41.724.135.116
Chi phí nhân công	45.269.072.178	45.379.417.950
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.866.122.839	11.589.958.882
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.358.311.067	5.012.492.774
Chi phí dự phòng	2.471.863.670	-
Chi phí khác bằng tiền	4.075.122.135	5.524.435.201
<b>Cộng</b>	<b>98.838.344.353</b>	<b>109.230.439.923</b>

**5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	13.497.753.679	11.524.429.341
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	220.000.000	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	(6.068.365.681)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	13.717.753.679	5.456.063.660
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>2.743.550.736</b>	<b>1.091.212.732</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	15.000.000.000	-

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	20.468.750.000	8.750.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan**

**Mối quan hệ**

1. Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai
2. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể  
Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 31/12/2018 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018 VND</u>
<b>Phải thu – Xem thêm mục 4.2:</b>		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	15.248.713.956	20.331.006.500
	<u>Tại ngày 31/12/2018 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018 VND</u>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn:</b>		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	807.960.209	-
	<u>Tại ngày 31/12/2018 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2018 VND</u>
<b>Phải trả ngắn hạn khác – Xem thêm mục 4.10:</b>		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	293.508.224	293.508.224
<b>Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:</b>		
	<u>Năm 2018 VND</u>	<u>Năm 2017 VND</u>
<b>Cung cấp dịch vụ - Xem thêm mục 5.1:</b>		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	75.094.277.778	63.906.318.021
	<u>Năm 2018 VND</u>	<u>Năm 2017 VND</u>
<b>Mua hàng:</b>		
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	5.198.100.439	10.809.459.452
	<u>Năm 2018 VND</u>	<u>Năm 2017 VND</u>
<b>Chi phí lãi vay – Xem thêm mục 5.3:</b>		
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	87.500.000	350.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thù lao và thu nhập	2.768.544.000	2.686.100.000

**8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	384.000.000	394.396.000

**9. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Bảng cân đối kế toán (Trích):

	Tại ngày 01/01/2018 VND (Được báo cáo lại)	Tại ngày 01/01/2018 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Thuế GTGT được khấu trừ	-	153.122.049
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	764.888.158	611.766.109

Việc báo cáo lại thông tin so sánh nêu trên là do trình bày lại khoản thuế GTGT được khấu trừ cho phù hợp. Việc phân loại lại các thông tin so sánh nêu trên để đảm bảo tính phù hợp của số liệu và bản chất nghiệp vụ kinh tế phát sinh, Giám đốc Công ty tin rằng việc phân loại lại sẽ cung cấp thông tin hữu ích hơn cho người đọc.

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích)

	2017 VND (Được báo cáo lại)	2017 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.640	5.263

Việc báo cáo lại thông tin so sánh nêu trên là do có sự chênh lệch giữa số tiền khen thưởng phúc lợi tạm trích và thực tế phát sinh của năm tài chính 2017.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Phạm Văn Hội  
Giám đốc  
Đồng Nai, ngày 08 tháng 3 năm 2019

Lê Chí Nguyên Thăng  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa  
Người lập



## TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2018.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.

- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai do Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam thực hiện.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập các quỹ năm 2018 và Quy chế sử dụng các quỹ như sau:

### 1 Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2018 và trích lập các quỹ năm 2018:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Tỷ lệ/ LNST	SỐ TIỀN
1	<b>Tổng lợi nhuận sau thuế được phân phối:</b>		<b>15.587.892.607</b>
	- Lợi nhuận sau thuế năm 2018		10.754.202.943
	- Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước chuyển sang		4.833.689.664
2	<b>Trích lập các quỹ :</b>		<b>4.314.455.088</b>
a	Quỹ đầu tư phát triển (20% LNST)	20%	2.150.840.588
b	Quỹ khen thưởng- phúc lợi (17% LNST)	17%	1.828.214.500
	+ Quỹ khen thưởng CB.CNV	10%	1.075.420.294
	+ Quỹ phúc lợi CB.CNV	5 %	537.710.147
	+ Quỹ công tác XH cộng đồng	2 %	215.084.059
c	Quỹ thưởng Ban điều hành		335.400.000
3	<b>Lợi nhuận còn lại được chia cổ tức :</b>		<b>11.273.437.519</b>
	- Lợi nhuận các năm trước chuyển sang		4.833.689.664
	- Lợi nhuận 2018 còn lại (sau khi trích quỹ)		6.439.747.855
4	<b>Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL (dự kiến)</b>		<b>25%/VĐL</b>
5	Số tiền chia cổ tức dự kiến (54,5% LNST)	54,5%	5.862.500.000
6	Tổng lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2019		5.410.937.519



## **II- Qui chế sử dụng các quỹ sau khi trích lập:**

### **1- Quỹ đầu tư phát triển:**

Được dùng để :

- Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh Công ty;
- Đầu tư xây dựng vào các dự án của Công ty;
- Bổ sung vốn kinh doanh Công ty.
- Bổ sung vốn điều lệ Công ty.

Quỹ đầu tư phát triển khi sử dụng phải theo qui định của Qui chế tài chính, Điều lệ của Công ty và phù hợp với qui định của pháp luật.

### **2- Quỹ khen thưởng:**

Được dùng để:

- Thưởng cuối năm hoặc thưởng thường kỳ trên cơ sở năng suất lao động, hiệu quả công việc và thành tích công tác, đóng góp của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.
- Thưởng đột xuất cho các cá nhân, tập thể trong Công ty.
- Thưởng cho các cá nhân, đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.

### **3- Quỹ phúc lợi:**

Được dùng để :

- Đầu tư xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty, chi cho các hoạt động phúc lợi, các phúc lợi được hưởng của người lao động, bao gồm cả người quản lý Công ty.
- Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong nội bộ ngành cấp nước hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
- Ngoài ra còn được sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động, kể cả trường hợp về hưu, mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn.. Chi phúc lợi xã hội hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

### **4- Quỹ thưởng Ban điều hành:**

Dùng để thưởng cho Ban điều hành quản lý Công ty, HĐQT, BKS căn cứ vào hiệu quả kinh doanh của Công ty.

5- Quỹ khen thưởng và phúc lợi, khi sử dụng phải phù hợp với quy định của Hội đồng quản trị và Công đoàn cơ sở Công ty. Công ty không được phép chi quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi khi chưa thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác đến hạn phải trả.

6- Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau: Dự phòng lợi nhuận cho năm sau hoặc tích lũy để cân đối tỷ lệ cổ tức các năm sau.

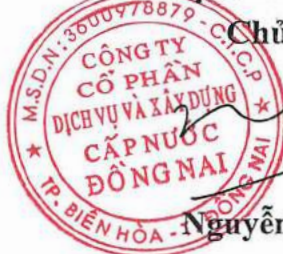
Trên đây là phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2018, trích lập các quỹ và Quy chế sử dụng các quỹ. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BGD Công ty;
- Ban kiểm soát Công ty;
- Lưu VT-HĐQT.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch**



**Nguyễn Cao Hà**

Số: 09 /KH-HĐQT

Đồng Nai, ngày 19 tháng 4 năm 2019

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 CỦA  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai đã xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty như sau:

**I. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019:**

- Đẩy mạnh hoạt động chính của Công ty: thi công lắp đặt hệ thống ống nhánh cho khách hàng; thi công các công trình cải tạo, sửa chữa, di dời, mở rộng hệ thống cấp nước do Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai giao thực hiện.

- Nắm bắt thông tin để tham gia đấu thầu các dự án có liên quan đến thi công hệ thống cấp nước, các công trình cấp nước sinh hoạt và công nghiệp của các khu dân cư và đô thị. Chủ động tìm kiếm, khai thác các hợp đồng xây lắp, các công trình thuộc lĩnh vực và chức năng hoạt động của Công ty để đảm bảo kế hoạch về sản lượng và doanh thu của năm 2019.

- Đầu tư lắp đặt hệ thống nước, phát triển mở rộng mạng lưới cấp nước để sử dụng hết công suất của nhà máy nước Hóa An 15.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thay thế, cải tạo các tuyến ống cấp nước để đảm bảo cung cấp nước cho 04 phường xã Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa, Tân Vạn. Duy trì ổn định sản xuất và đảm bảo cung cấp nước cho các khách hàng sử dụng nước. Khai thác khách hàng tiềm năng. Phát triển khách hàng, mở rộng mạng lưới cấp nước, gia tăng sản lượng tiêu thụ nước.

- Quản lý chặt chẽ hoạt động sản xuất nước và quy trình vận hành của nhà máy nước Hóa An. Tăng cường công tác quản lý và các biện pháp kỹ thuật trong hoạt động sản xuất nước. Xây dựng phương án dự phòng cho hoạt động cấp nước an toàn. Nghiên cứu lập phương án đầu tư, cải tạo nâng công suất của nhà máy nước Hóa An trong thời gian tới.

- Duy trì hoạt động của trạm bơm nước thô Hoá An, đảm bảo nguồn nước và nhu cầu sử dụng nước của khách hàng và sản lượng theo kế hoạch.

- Hoàn thiện và không ngừng nâng cao trình độ: quản lý hệ thống phân phối cấp nước, hiện trạng cấp nước, quản lý nhà máy nước, chất lượng nước, quản lý ghi thu, quản lý khách hàng, quản lý vật tư thiết bị, quản lý nguồn nhân lực...

- Tập trung thực hiện triệt để và đồng bộ các giải pháp phòng chống thất thoát nước. Học tập kinh nghiệm từ Công ty mẹ, xem đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Xây dựng kế hoạch và lộ trình từng bước cho mục tiêu giảm thất thoát.

- Tiếp tục thực hiện kế hoạch đầu tư mua sắm trang thiết bị, công cụ, dụng cụ sản xuất..sử dụng nguồn từ quỹ đầu tư phát triển và nguồn vốn kinh doanh của Công ty. Cân đối các nguồn lực tài chính để trả nợ vay và tái đầu tư sản xuất.



## II. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019
1	Tổng Doanh thu	đồng	61.401.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	đồng	6.250.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế	đồng	5.000.000.000
4	Tỷ lệ chia cổ tức trên VDL	%	15%/VDL
5	Phát sinh nộp ngân sách nhà nước	đồng	4.800.000.000
6	Tổng vốn điều lệ	đồng	23.450.000.000
7	Đầu tư XDCB	đồng	3.000.000.000
8	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VDL	%	26,6%

## III- CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2019:

### 1. Giải pháp về điều hành sản xuất

- **Công tác thi công lắp đặt đường ống:**

- Chủ động tìm kiếm, ký kết các hợp đồng xây lắp, các công trình thuộc lĩnh vực và chức năng hoạt động của Công ty. Nắm bắt thông tin để tham gia đấu thầu các công trình, dự án có liên quan đến thi công hệ thống cấp nước, các công trình cấp nước của các khu dân cư và đô thị.

- Chú trọng công tác kỹ thuật đường ống, các biện pháp an toàn trong thi công. Sử dụng các biện pháp kỹ thuật trong thi công để nâng cao chất lượng dịch vụ lắp đặt.

- Thường xuyên kiểm tra các định mức tiêu hao nguyên vật liệu, nhiên liệu, chi phí sử dụng máy thi công..Quản lý vật tư, thiết bị, công cụ lao động. Kiểm soát chi phí nhân công thuê ngoài.

- Từng bước cải tiến các thủ tục hành chính cho phù hợp. Thực hiện quy trình công tác lắp đặt chặt chẽ, hợp lý, đảm bảo nhanh gọn và triển khai đồng bộ.. nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí cho khách hàng. Phối hợp tốt với chính quyền địa phương để được hỗ trợ đáp ứng yêu cầu về xây dựng và thi công lắp đặt các công trình cấp nước.

- Lập kế hoạch, phương án phân vùng tách mạng để kiểm soát và vận hành mạng lưới cấp nước hiện hữu. Giảm tỷ lệ thất thoát nước năm 2019 xuống 17,5%.

- **Công tác sản xuất và cung cấp nước:**

- Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước các khu vực chưa có nước. Tăng cường phát triển khách hàng, gia tăng sản lượng tiêu thụ nước.

- Nghiên cứu và học tập kinh nghiệm từ Công ty mẹ trong việc vận hành, quản lý hệ thống cấp nước (từ khâu sản xuất tại nhà máy, bơm nước ra mạng, bảo trì tuyến ống chuyên tải, khai thác và phân phối cấp nước, lắp đặt và ghi thu khách hàng, quản lý khách hàng, quản lý mạng...).

- Khai thác tối đa công suất của nhà máy nước Hóa An 15.000m<sup>3</sup>/ngày trên cơ sở thực hiện các giải pháp kỹ thuật về hệ thống bơm, hệ thống xử lý, hệ thống đường ống. Lập phương án cải tạo Nhà máy nước Hóa An hiện hữu nâng công suất để đáp ứng nhu cầu nước cho khách hàng.



- Quản lý chặt chẽ hoạt động sản xuất của nhà máy xử lý nước Hòa An: quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào; công tác duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị; quản lý chất lượng nước. Thực hiện các qui định về khai thác tài nguyên, xử lý, xả thải, bảo vệ môi trường...

• **Công tác ghi thu:**

- Cải tiến công tác ghi thu, công tác kiểm ghi, kiểm thu. Quản lý công tác ghi thu theo Quy trình ghi thu tiền nước đã ban hành và thực hiện.

- Tính toán giá nước hợp lý. Bộ phận quản lý ghi thu xử lý, điều chỉnh chỉ số tiêu thụ nước và hóa đơn tiền nước theo đúng quy định. Phối hợp Phòng Tài chính kế toán theo dõi công nợ, theo dõi tình hình tiêu thụ nước của khách hàng. Phần đầu giảm tỷ lệ tồn thu xuống mức thấp nhất.

- Hoàn thiện hình thức hóa đơn điện tử. Phát triển các kênh nhờ thu đa dạng, thực hiện liên kết với các Ngân hàng trong tỉnh Đồng Nai về thu hộ tiền nước để hỗ trợ khách hàng, tạo thuận tiện cho khách hàng trong việc thanh toán tiền nước.

- Thường xuyên kiểm tra công tác ghi thu. Phát huy hiệu quả việc ghi chỉ số nước bằng Smartphone. Hoàn thiện nghiệp vụ giao dịch khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

## **2. Giải pháp về tiết kiệm chi phí sản xuất**

- Đầu tư đúng mục đích và yêu cầu đối với các tài sản cố định, máy thi công, máy móc thiết bị sản xuất và trang thiết bị quản lý... để phục vụ hoạt động sản xuất.

- Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng nguyên, nhiên vật liệu, chi phí sử dụng điện.. trong qui trình sản xuất nước tại nhà máy và trong công tác thi công lắp đặt.

- Vận hành và phân bổ bơm hợp lý để tiết kiệm điện năng. Thay thế, trang bị các máy bơm và các thiết bị điện có công suất tiêu thụ điện hợp lý, hao tổn ít điện năng. Đảm bảo tiết kiệm điện và an toàn thiết bị.

- Tích cực thực hiện các biện pháp phòng, chống thất thoát nước. Tìm ra nguyên nhân để có biện pháp khắc phục và hạn chế tỷ lệ thất thoát.

- Thay thế, cải tạo các tuyến ống cấp nước bằng sắt tráng kẽm. Sửa chữa, thay thế các đường ống cũ, lâu năm thường xuyên bị rò rỉ, xì, bể...Lắp đặt biến tần và các thiết bị kiểm soát áp lực đường ống. Đảm bảo chế độ bơm phù hợp, điều hòa áp lực nước bơm ra mạng.

- Tăng cường công tác quản lý đồng hồ nước: kiểm tra chống thất thoát qua đồng hồ khách hàng.

- Tăng cường trách nhiệm đối với công tác trực sửa chữa đường ống, xử lý ống bể, đảm bảo phát hiện và sửa chữa nhanh chóng kịp thời các sự cố ống bể.

- Phát động phong trào thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết kiệm chi phí sản xuất. Khuyến khích, khen thưởng cho các cá nhân, đơn vị có thành tích hoặc sáng kiến trong lao động sản xuất và phong trào thực hành tiết kiệm...

## **3. Giải pháp về quản trị kinh doanh:**

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty: tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư XD, đầu tư TSCĐ, việc chấp hành chế độ, chính sách Nhà nước, chính sách đối với người lao động, công tác quản trị doanh nghiệp...Tăng cường chỉ đạo, giám sát mảng hoạt động xây lắp và hoạt động sản xuất nước.

- Ban hành và triển khai thực hiện Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế tài chính, Quy chế tiền lương, tiền thưởng, Quy chế làm việc của các Phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc trong Công ty. Giám sát hoạt động và việc thực hiện các quy chế này. Tăng cường công tác giám sát và quản trị nội bộ.

#### 4. Giải pháp về tài chính

- Quản lý chặt chẽ về: nguồn vốn, chi phí, tài sản, công cụ, hàng hoá, nguyên vật liệu..Theo dõi, phân tích tình hình quản lý và sử dụng nguồn vốn, tình hình năng lực tài chính của Công ty. Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả. Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn của chủ sở hữu và vốn cổ đông Công ty.

- Tính toán, cân đối các khoản nợ và nguồn trả nợ, hạn chế rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính. Tập trung tích lũy vốn để gia tăng tiềm lực tài chính. Lấy nguồn thu từ khấu hao, lợi nhuận để đầu tư phát triển, mở rộng mạng lưới cấp nước, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của khách hàng trong phạm vi cấp nước của Công ty.

- Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp như: đầu tư từng giai đoạn, phân vùng cải tạo theo địa bàn khách hàng, vay vốn với lãi suất hỗ trợ cho các dự án...

#### 5. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Tổ chức sắp xếp, bố trí lực lượng lao động sao cho phù hợp và hiệu quả. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức nhân sự, công tác kế hoạch - kỹ thuật, công tác tài chính - kế toán...

- Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ quản lý cho cán bộ quản lý và người lao động. Chú trọng việc đào tạo và tuyển dụng đội ngũ cán bộ công nhân viên có kinh nghiệm và chuyên môn cao. Có kế hoạch về nguồn nhân lực cho năm kế hoạch và những năm kế tiếp.

- Có chế độ đãi ngộ phù hợp cho các cán bộ, công nhân viên, công nhân có tay nghề cao..đặc biệt đối với người có năng lực để người lao động an tâm công tác và gắn bó lâu dài với Công ty.

#### 6. Giải pháp về công nghệ

Từng bước nâng cao trình độ quản lý hệ thống cấp nước, quản lý nhà máy nước, hệ thống mạng lưới phân phối, quản lý khách hàng, quản lý hiện trạng cấp nước..bằng công nghệ thông tin và các ứng dụng kỹ thuật.

Ứng dụng công nghệ thông tin làm nền tảng cho hệ thống quản lý. Sử dụng các phần mềm vào công tác quản lý nhân sự, quản lý công văn chứng từ, quản lý dự án, quản lý kế hoạch kỹ thuật, quản lý sản xuất, quản lý tài chính..

### IV. KẾT LUẬN:

Trong năm 2018, được sự giúp đỡ và hỗ trợ rất lớn từ Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể CB-CNVC lao động, Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2018.

Trên cơ sở những thành quả đạt được trong năm 2018, đánh giá điều kiện sản xuất kinh doanh, những khó khăn, thuận lợi của Công ty... Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty đã đưa ra các mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2019 và các giải pháp cụ thể để đạt được mục tiêu này.

Trong năm 2019, Công ty sẽ tiếp tục cố gắng ổn định sản xuất, hoàn thành kế hoạch SXKD, đảm bảo tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ và mức chi trả cổ tức theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu VT-HĐQT.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
  
Nguyễn Cao Hà



Số: 10 /TTr-HĐQT

Biên Hoà, ngày 19 tháng 4 năm 2019

### TỜ TRÌNH

V/v quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị,  
Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch năm 2019.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

- Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động thương binh và xã hội V/v hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

- Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐQT ngày 27/4/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;

- Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

**1/ Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018:**

*ĐVT: đồng*

TT	Nội dung	Chức vụ	Thù lao	Lương	Cộng
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>204.000.000</b>	<b>120.000.000</b>	<b>324.000.000</b>
1	Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch HĐQT	72.000.000		72.000.000
2	Đặng Trọng Thành	Chủ tịch HĐQT	56.000.000	120.000.000	176.000.000
3	Trần Chiến Thắng	TV HĐQT	76.000.000		76.000.000
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>		<b>104.000.000</b>	<b>374.400.000</b>	<b>478.400.000</b>
1	Đỗ Thị Thúy Hằng	Trưởng BKS		374.400.000	374.400.000
2	Ngô Thị Đài Trang	TV BKS	52.000.000		52.000.000
3	Nguyễn Thị Minh Hiếu (Từ Tháng 01 – 4/2018)	TV BKS	12.000.000		12.000.000
4	Đặng Thị Thắm (Từ Tháng 5 – 12/2018)	TV BKS	40.000.000		40.000.000
	<b>CỘNG</b>		<b>308.000.000</b>	<b>494.400.000</b>	<b>802.400.000</b>

**2/ Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2019:**

STT	Nội dung	Số lượng (người)	Mức tiền lương (đồng/người/ tháng)	Mức thù lao (đồng/người/ tháng)
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>3</b>		<b>23.000.000</b>
1	Chủ tịch HĐQT	1		9.000.000
2	Thành viên HĐQT	2		7.000.000



STT	Nội dung	Số lượng (người)	Mức tiền lương (đồng/người/ /tháng)	Mức thù lao (đồng/người/ /tháng)
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>	<b>3</b>	<b>26.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
1	Trưởng Ban kiểm soát	1	26.000.000	
2	Thành viên Ban kiểm soát	2		5.000.000
<b>III</b>	Thư ký Công ty	1		4.000.000

(Tiền lương quyết toán sẽ được thực hiện theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động thương binh và xã hội và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc quyết toán số tiền chi trả tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch năm 2019./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu VT HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



*(Handwritten signature)*  
**Nguyễn Cao Hà**

## TỜ TRÌNH

V/v : Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

Các Công ty kiểm toán trên hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, nằm trong danh sách công ty kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 và được cung cấp dịch vụ kiểm toán cho các công ty niêm yết theo qui định của cơ quan có thẩm quyền.

Đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn 01 Công ty trong số các Công ty theo danh sách trên để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- BKS Công ty;
- Lưu VT-HĐQT.



Số: /BB-ĐHCĐ2019

Biên Hòa, ngày 19 tháng 4 năm 2019

*“Dự thảo”*

## BIÊN BẢN HỌP

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019 CỦA CÔNG TY CP DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

#### A THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẠI HỘI:

- Thời gian: vào lúc ..... giờ ..... phút, ngày 19 tháng 4 năm 2019 (Thứ sáu).
- Địa điểm: tại Hội trường Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai, số 48 Cách mạng tháng 8, phường Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

#### B- THÀNH PHẦN THAM DỰ :

Ngay thời điểm khai mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai:

- Tổng số cổ đông và đại diện nhóm cổ đông được mời: ..... cổ đông
- Tham dự Đại hội có ..... cổ đông và đại diện nhóm cổ đông có mặt và được ủy quyền, tương đương ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ .....% / Vốn điều lệ.

#### C. NỘI DUNG ĐẠI HỘI:

##### I/ Tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội:

1/ Đại hội đã nghe ..... - Phó Giám đốc Công ty đọc Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự Đại hội.

2/ Đại hội đã nghe ..... - Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông đọc Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2019, như sau:

- Tổng số cổ đông được mời tham dự: ..... cổ đông.
- Tổng số cổ phần của cổ đông được mời tham dự: ..... cổ phần có quyền biểu quyết.
- Tham dự Đại hội có ..... cổ đông và đại diện nhóm cổ đông có mặt và được ủy quyền, tương đương ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã đủ điều kiện để khai mạc và tiến hành theo quy định.

##### II/ Thủ tục khai mạc Đại hội đồng cổ đông:

1/ Thông qua Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.



2/ Thông qua danh sách Chủ tọa Đại hội và Ban Thư ký Đại hội:

- Chủ tọa Đại hội:

- Ông Nguyễn Cao Hà

- Chủ tịch HĐQT

3/ Chủ tọa Đại hội cử Ban Thư ký để ghi lại nội dung và diễn biến của Đại hội, gồm 02 người :

1. Ông Lê Chí Nguyên Thăng

2. Bà Nguyễn Thị Hoa

4/ Ban tổ chức Đại hội đã trình Đại hội biểu quyết nhất trí .....% (số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội) thông qua tờ trình đề cử Ban kiểm phiếu gồm 3 người:

1. Bà Nguyễn Thị Tân Hương

- Trưởng ban.

2. Ông Phạm Ngọc Tú

- Thành viên

3. Bà Kiều Phương Thảo

- Thành viên.

Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

Kiểm Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, tổng hợp kết quả kiểm phiếu, báo cáo cho Ban Thư ký để ghi vào Biên bản Đại hội.

5/ Chủ tọa Đại hội đã trình Đại hội biểu quyết nhất trí .....% (số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội) thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

### **III/ Nội dung chính và diễn tiến Đại hội:**

#### **1/ Đại hội đã nghe các nội dung báo cáo như sau:**

1.1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018. Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2018.

1.2. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty năm 2018 và kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty năm 2018. Báo cáo đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát năm 2018.

1.3. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.

1.4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2018.

1.5. Thông qua nhiệm vụ và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

1.6. Tờ trình quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch năm 2019.

1.7. Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.

#### **2/ Đại hội sau khi nghe các nội dung, cổ đông đã thảo luận và biểu quyết:**

2.1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 và báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2018.

*Phân biểu quyết:*

- Tán thành : .....: Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết.

-Không tán thành : .....: Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết.

-Không có ý kiến : .....: Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết.

**2.2. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty năm 2018. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát năm 2018.**

***Phân biểu quyết:***

- Tán thành : ..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : ..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết
- Không có ý kiến : ..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết.

**2.3. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.**

***Phân biểu quyết:***

- Tán thành : ..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : ..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến : ..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết.

**2.4. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2018 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.**

***Phân biểu quyết:***

- Tán thành : ..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : ..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến : ..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết.

**2.5. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.**

***Phân biểu quyết:***

- Tán thành : ..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : ..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến : ..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết.

**2.6. Thông qua Tờ trình quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch năm 2019.**

***Phân biểu quyết:***

- Tán thành : ..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : ..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến : ..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết.

**2.7. Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.**

***Phân biểu quyết:***

- Tán thành : ..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : ..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến : ..... Cổ phần chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết.

#### **IV- THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI:**

Đại hội đồng cổ đông nhất trí ..... % số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội thông qua toàn văn Nghị quyết Đại hội.

Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai đã kết thúc lúc ..... giờ ..... phút ngày 19/4/2019.

Biên bản này đã được đọc toàn văn trước Đại hội. Chủ tọa Đại hội đã xin Đại hội biểu quyết. Đại hội đã nhất trí biểu quyết ..... %/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

Biên bản và Nghị quyết của Đại hội được công bố trên website của Công ty: <http://www.dvxdcn.com>, chương mục: *Quan hệ cổ đông*.

Chủ tọa Đại hội và Ban Thư ký chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản này.

**THƯ KÝ**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2019**

**CHỦ TỌA**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2019**

**Lê Chí Nguyên Thăng**

**Nguyễn Cao Hà**



Số: /NQ-ĐHCĐ2019

Biên Hòa, ngày 19 tháng 4 năm 2019

**“Dự thảo”**

## **NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 27/4/2018.

- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai ngày 19 tháng 4 năm 2019.

Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai được tổ chức tại Hội trường Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai, số 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bắt đầu lúc ..... giờ ..... phút ngày 19/4/2019 và kết thúc lúc ..... giờ ..... phút ngày 19/4/2019.

Đến dự Đại hội có ..... cổ đông, sở hữu ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ .....%/vốn điều lệ của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.

Sau khi nghe các báo cáo theo chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết các nội dung:

### **QUYẾT NGHỊ**

1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018, báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2018. - .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.
2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty năm 2018, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty năm 2018. Thông qua báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của các thành viên Ban kiểm soát năm 2018 - ..... % số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.
3. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai. - .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2018 - .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua. Với các chỉ tiêu như sau:

STT	CHỈ TIÊU	Tỷ lệ/ LNST	SỐ TIỀN
1	Tổng lợi nhuận sau thuế được phân phối:		15.587.892.607
	-Lợi nhuận sau thuế năm 2018		10.754.202.943
	-Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước chuyển sang		4.833.689.664
2	Trích lập các quỹ		4.314.455.088
a	Quỹ đầu tư phát triển (20% LNST)	20%	2.150.840.588
b	Quỹ khen thưởng- phúc lợi (17% LNST)	17%	1.828.214.500
	+ <i>Quỹ khen thưởng CB.CNV</i>	10%	1.075.420.294
	+ <i>Quỹ phúc lợi CB.CNV</i>	5%	537.710.147
	+ <i>Quỹ công tác XH cộng đồng</i>	2%	215.084.059
c	Quỹ thưởng Ban điều hành		335.400.000
3	Lợi nhuận còn lại được chia cổ tức		11.273.437.519
	-Lợi nhuận các năm trước chuyển sang		4.833.689.664
	-Lợi nhuận 2018 còn lại (sau khi trích quỹ)		6.439.747.855
4	Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL		25%/VĐL
5	Số tiền chia cổ tức (54,5% LNST)	54,5%	5.862.500.000
6	Tổng lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2019		5.410.937.519

5. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 - .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua với các chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019
1	Tổng Doanh thu	đồng	61.401.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	đồng	6.250.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế	đồng	5.000.000.000
4	Tỷ lệ chia cổ tức trên VĐL	%	15%/VĐL
5	Phát sinh nộp ngân sách nhà nước	đồng	4.800.000.000
6	Tổng vốn điều lệ	đồng	23.450.000.000
7	Đầu tư XDCB	đồng	3.000.000.000
8	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VĐL	%	26,6%

6. Thông qua Tờ trình quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch năm 2019- .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

6.1. Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018:

TT	Nội dung	Chức vụ	Thù lao	Lương	Cộng
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>204.000.000</b>	<b>120.000.000</b>	<b>324.000.000</b>
1	Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch HĐQT	72.000.000		72.000.000
2	Đặng Trọng Thành	Chủ tịch HĐQT	56.000.000	120.000.000	176.000.000
3	Trần Chiến Thắng	TV HĐQT	76.000.000		76.000.000
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>		<b>104.000.000</b>	<b>374.400.000</b>	<b>478.400.000</b>
1	Đỗ Thị Thúy Hằng	Trưởng BKS		374.400.000	374.400.000
2	Ngô Thị Đài Trang	TV BKS	52.000.000		52.000.000
3	Nguyễn Thị Minh Hiếu (Từ Tháng 01 – 4/2018)	TV BKS	12.000.000		12.000.000
4	Đặng Thị Thắm (Từ Tháng 5 – 12/2018)	TV BKS	40.000.000		40.000.000
	<b>CỘNG</b>		<b>308.000.000</b>	<b>494.400.000</b>	<b>802.400.000</b>

6.2. Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2019:

TT	Nội dung	Số lượng (người)	Mức lương (đồng/người/ /tháng)	Mức thù lao (đồng/người/ /tháng)
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>3</b>		<b>23.000.000</b>
1	Chủ tịch HĐQT	1		9.000.000
2	Thành viên HĐQT	2		7.000.000
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>	<b>3</b>	<b>26.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
1	Trưởng Ban kiểm soát	1	26.000.000	
2	Thành viên Ban kiểm soát	2		5.000.000
<b>III</b>	Thư ký Công ty	1		4.000.000

(Tiền lương quyết toán sẽ được thực hiện theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động thương binh và xã hội và Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018).

7. Thông qua Tờ trình ĐHĐCĐ về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 - .....% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.



Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai được thông qua với .....%/ số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và có hiệu lực thi hành từ ngày 19/4/2019.

**TM.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2019**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**

*Nơi nhận:*

- Cổ đông Công ty;
- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Công ty CP cấp nước Đồng Nai;
- HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VT.HĐQT.

**Nguyễn Cao Hà**

MÃ SỐ:

.....

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

**PHIẾU BIỂU QUYẾT**

Họ và tên cổ đông (hoặc người được ủy quyền)/ Tên Công ty (cổ đông là tổ chức):

.....

Số CMND (Giấy phép kinh doanh):.....

Số lượng cổ phần sở hữu: .....

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền:.....

Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: .....

(Quý Đại biểu đánh dấu (X) vào ô ý kiến lựa chọn theo từng nội dung biểu quyết)

Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
<b>Nội dung 1:</b> Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018. Thông qua báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2018.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Nội dung 2:</b> Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc năm 2018. Thông qua báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và các thành viên BKS năm 2018.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Nội dung 3:</b> Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Nội dung 4:</b> Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2018.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Nội dung 5:</b> Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Nội dung 6:</b> Thông qua quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2018 và kế hoạch năm 2019.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<b>Nội dung 7:</b> Thông qua Tờ trình việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

**Hướng dẫn:**

- Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu X vào ô lựa chọn (X).
- Trường hợp cổ đông thay đổi ý kiến thì khoanh tròn ô đã lựa chọn (X) và đánh (X) vào ô lựa chọn mới (X).
- Trường hợp cổ đông chọn lại ô đã được khoanh tròn thì tô đen ô khoanh tròn ấy (●).
- Cổ đông chỉ được lựa chọn một phương án biểu quyết cho mỗi nội dung.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019  
**CỔ ĐÔNG (ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG)**  
(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

